

Nhiều tác giả

Di tích & thắng cảnh Bạc Liêu

SỞ THƯƠNG MẠI & DU LỊCH BẠC LIÊU

Di tích & Thắng cảnh Bạc Liêu

NHIỀU TÁC GIẢ

Di tích & thắng cảnh *Bạc Liêu*

SỞ THƯƠNG MẠI - DU LỊCH BẠC LIÊU
THÁNG 12-2005

Lời nói đầu

Tìm hiểu quê hương xứ sở vẫn là nguồn động lực thúc đẩy, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu quê hương mà mỗi người trong chúng ta không thể không biết đến. Và, có hiểu mới yêu, có hiểu mới cảm xúc, thấm thía nồng nàn.

Hưởng ứng ***"Chương trình hành động quốc gia về du lịch"*** cũng như ***"Chương trình hành động về du lịch của tỉnh Bạc Liêu đến năm 2010"***, đồng thời để quảng bá về du lịch, đáp ứng nhu cầu của đông đảo du khách muốn tìm tòi, khám phá về vùng đất Bạc Liêu. Sở Thương mại Du lịch phối hợp với Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bạc Liêu cho ra mắt tập

sách ***"Di tích và thắng cảnh Bạc Liêu"***. Thông qua các bài viết của nhiều tác giả sẽ giới thiệu với bạn đọc những di tích tiêu biểu như: Đền thờ Bác Hồ, di tích lịch sử văn hóa Nọc Nạng, Tháp cổ Vĩnh Hưng, Chùa Bang, Tiên sư cổ miếu, Đình Tân Hưng, Chùa Xiêm Cán, Thất Giồng Bóm... Những bài viết trong tập sách này không thuộc về thể loại nghiên cứu lịch sử, mà chỉ là những ghi chép, bút ký. Do vậy sự hạn chế về tính khoa học, chặt chẽ... là không tránh khỏi.

Rất mong được sự đóng góp của bạn đọc.

SỞ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TỈNH BẠC LIÊU

Bên đền thờ Bác

NGUYỄN VĂN THANH

Đền thờ Bác Hồ ở xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử quốc gia. Đây là địa chỉ đỏ, nơi hành hương về nguồn của các thế hệ trẻ và du khách gần xa đến tham quan du lịch tỉnh Bạc Liêu.

Di tích đền thờ Bác hiện đang nằm bên bờ sông Bà Chăng, được xây dựng trên một khuôn

viên đất rộng 6.000 m², cách trung tâm tỉnh Bạc Liêu về phía tây bắc 15km theo đường chim bay, 18km đường bộ đi theo Quốc lộ 1A về hướng bắc, qua cầu Cái Dầy 1000m, rẽ trái đi theo tuyến lộ xã Châu Thới đến Đền thờ. Diện tích Đền thờ là 18,24m² nền nhà chính có cạnh 4,2m x 4,2m, ban công phía trước có cạnh 2m x 0,80m. Đền thờ quay về hướng tây nam, phía sông Bà Chăng, cách Đền thờ 4m về hướng đông nam có nhà bia liệt sĩ được xây dựng bền vững.

Hiện trạng kiến trúc của Đền thờ : nền nhà tráng xi măng, tường xây gạch, các cột kèo được đúc bằng bê tông cốt sắt, đòn tay bằng cây gỗ dầu, mái lợp tấm tếp lô xi măng; phía trước nhà có hiên và ban công đỡ mái bằng; trên tường của ban công hai bên có hai cái tỉnh có ý nghĩa thể hiện hai tỉnh Bạc Liêu và Sóc Trăng trước đây cùng chung một tỉnh, giữa hai cái tỉnh có ngôi sao năm cánh trong vòng tròn đúc bằng xi măng.

Trong nhà có xây bàn thờ bằng gạch, phía

sau bàn thờ có xây tường cao gần tới mái nhà, phía trước bàn thờ và sau bàn thờ hai bên có bốn cột bê tông (gọi là tứ trụ) chịu lực của bốn kèo trên mái . Phía vách tường bên trái của cửa chính từ ngoài nhìn vào có cửa sổ khổ 0,60m x 0,50m, song sắt 12mm, không có cánh cửa sổ. Hai vách tường bên tả và hữu Đền thờ có hai cửa sổ khổ giống nhau về kích thước và diện mạo .

Đi về phía sau Đền thờ Bác, có nhà trưng bày bao quanh với diện tích xây dựng là 697m², có khoảng trên 300 tài liệu, hiện vật và hình ảnh trưng bày tập trung hai chủ đề chính: Quân dân xã Châu Thới chiến đấu bảo vệ Đền thờ Bác và cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhiều nội dung khác nhau. Ở phía trước từ Đền thờ nhìn vào nhà trưng bày có hai bức phù điêu nằm hai bên, ngang 3m, dài 11m. Giữa trung tâm nhà trưng bày có một tháp sen đứng cao 4m (tính từ mặt đất trần nhà). Tổng quy hoạch khu Đền thờ Bác và nhà trưng bày là 2ha. Ngoài khu vực

chính của di tích, còn có hoa viên và Hội trường để chiếu phim tài liệu giới thiệu cho du khách về khái quát lịch sử của quân và dân Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Đền thờ Bác.

Bên này bờ sông là trường học nhìn qua khu trung tâm Đền thờ Bác và nhà trưng bày như lấp lánh ánh hào quang của trên một trăm bộ đèn đủ màu sắc tua xuống ngã ba sông Bà Chăng để đêm đêm tạo thành vầng sáng lung linh tỏa khắp một vùng quê tuyệt diệu.

Du khách khi được nghe giới thiệu về Đền thờ Bác, nơi mà cách nay trên 30 năm (02/09/1969), khi nhận được tin buồn Bác Hồ từ trần, nhân dân cả nước nói chung và nhân dân Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi nói riêng, từ cụ già đến các cháu thiếu nhi, tất cả không ai cầm được nước mắt. Với tình cảm sâu lắng ấy, sau lễ tang Bác được ít ngày, Huyện ủy Vĩnh Lợi có chủ trương và phát động trong toàn huyện dựng Đền

thờ Bác, để tưởng nhớ đến công ơn của Người. Từ đây, tồn tại trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ, bao xương máu của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Châu Thới đã đổ xuống để bảo vệ sự nguyên vẹn Đền thờ Bác. Ngày nay, du khách ở khắp mọi miền cũng như nhân dân tỉnh Bạc Liêu hết sức coi trọng giá trị lịch sử Đền thờ, xem đây là nơi giáo dục truyền thống, lý tưởng cho thanh niên và các tầng lớp nhân dân; nơi để du khách có dịp tham quan về nguồn, nơi có con sông quê hiền hòa, có dòng nước ngọt quanh năm, cây trái bốn mùa; nơi có cánh đồng lúa vàng óng ả, có làng dừa nước lung linh che bóng mát bên dòng sông, là nơi của hò hẹn du khách từ bốn phương tụ về thăm viếng Bác.

Vào thấp nhang tưởng niệm, nhìn chân dung Bác Hồ mà lòng tôi cứ bồi ngùi thương nhớ Bác biết bao. Đứng cạnh bên tôi có các má đưa chiếc khăn chậm chậm nước mắt, có má nói : "Ông Cụ Hồ vị cha già kính yêu của dân tộc Việt

Nam, Ông đã từ già đi xa từ lâu rồi, nhưng bà con, người dân Châu Thới như thấy đâu đây hình ảnh thân thương của Người còn đang ở bên cạnh chúng con". Sau khi nghe đồng chí Phạm Văn Tắc, Phó giám đốc Bảo tàng tỉnh Bạc Liêu giới thiệu thì được biết : nơi đây, vào một buổi sáng, ngày 19/05/1972, có trên một ngàn người từ khắp các ấp trong xã Châu Thới và cán bộ chiến sĩ các tổ chức của huyện, xã đã vui mừng làm lễ khánh thành Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một ngôi đền gọn gàng, xinh xắn nằm giữa những rừng tràm bầu xanh mát; từng cơn gió thổi những chiếc lá tràm bầu rì rào như đang ru một điệu dân ca Nam bộ mà Người vẫn ao ước được nghe trong lúc còn sống. Niềm mong mỏi của người dân Châu Thới đã trở thành hiện thực. Bác đã về đây trong lòng nhân dân, Bác vĩ đại như núi cao, như biển rộng mà luôn gần gũi với mọi người.

Sau lễ khánh thành Đền thờ Bác (1972), ông Trần Văn Sang (Chín Xi) tự nguyện bảo vệ,

chăm sóc đèn nhang hằng ngày xuyên suốt đến ngày hôm nay. Tuy tuổi đã cao, nhưng bác là người có tâm huyết muốn được ở bên Đền thờ Bác đến cuối đời. Cái tâm của bác Chín Xi đã làm ấm lòng và khích lệ các chiến sĩ đánh giặc, bảo vệ quê hương, Tổ quốc.

Và cũng được biết, câu chuyện bốn chiến sĩ bộ đội bảo vệ Đền thờ đã dùng cảm dùng súng M16 bắn bốn chiếc máy bay của địch kéo chúng ra ngoài đồng khỏi khu vực Đền thờ nhằm đánh lạc hướng để bọn chúng không bắn phá nơi thiêng liêng nhất của đồng bào Châu Thới. Sau khi quần với chúng cả buổi, bốn chiến sĩ bảo vệ vẫn an toàn, còn bọn chúng tức tối không đụng được đến Đền thờ Bác.

Nhắc câu chuyện về thiếu tá Mã Thành Nghĩa, tên ác ôn khét tiếng, chỉ huy trưởng tiểu đoàn 411 của ngụy dẫn lính đến phát quang và bắt hàng trăm nhân dân địa phương, trong đó có cả người già, trẻ em dẫn chúng vào phá Đền thờ

Bác, nhưng nhân dân địa phương xã Châu Thới trăm người như một đều trả lời : "Các ông có bắn chết hết, chúng tôi cũng không dám dẫn các ông vào khu vực Đền thờ, vì xung quanh đó các bãi mìn dày đặc, đến đó chỉ có con đường chết mà thôi". Trước những câu trả lời danh thép của nhân dân, tên Mã Thành Nghĩa và bọn lính phải run sợ, rút lui.

Nhiều câu chuyện khác, như địch đưa quân và máy bay trực thăng đổ quân càn quét đánh vào căn cứ và Đền thờ Bác ở ấp Bà Chăng, nhưng chúng luôn phải nếm mùi thất bại trước tinh thần bám trụ, đấu tranh chính trị của nhân dân, tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi và đội bảo vệ Đền thờ. Bằng ba mũi giáp công, ta đã bẻ gãy hàng chục trận càn quét của địch vào khu vực Đền thờ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, diệt và bắn bị thương hàng trăm tên, phá ấp chiến lược ở Tân Tạo - Châu Hưng, tập kích và không

cho địch đóng quân ở ấp Giồng Bướm A, B, thu nhiều vũ khí, đạn dược và chiến lợi phẩm khác.

Những chiến công và thành tích ấy là cả một quá trình đấu tranh cách mạng, kháng chiến chống Mỹ, nguy của quân và dân Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, trong đó có sự hy sinh xương máu của trên 3.000 con em của nhân dân Châu Thới và công lao của 18 bà mẹ Việt Nam anh hùng góp phần vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Ngày nay, du khách đến tham quan khu di tích Đền thờ Bác Hồ; nơi đây địa phương thường xuyên tổ chức các lễ kỷ niệm ôn lại cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời ôn lại lịch sử truyền thống đấu tranh của nhân dân huyện Vĩnh Lợi, trong đó có xã Châu Thới được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng. Ngoài những hoạt động kỷ niệm nhân ngày sinh nhật Bác 19/05 và ngày Bác Hồ mất 02/09, nhiều lực lượng đoàn thanh niên từ tỉnh đến huyện

thường xuyên tổ chức về thăm Đền thờ Bác, tổ chức sinh hoạt Đoàn, Đội và các loại hình sinh hoạt văn hóa khác; phát động phong trào thi đua, lập thành tích dâng quà lên Bác kính yêu, tổ chức lễ báo công nhớ ơn Người !.

Đền thờ Bác vừa là một di sản văn hóa của địa phương, là một di tích lịch sử văn hóa mãi mãi được trường tồn trong lịch sử Việt Nam. Khu di tích Đền thờ Bác còn là nơi sinh hoạt văn hóa, lễ hội, là nơi du khách đến tham quan du lịch.

Triết lý ĐỒNG NỌC NẠNG

Bút ký của PHAN TRUNG NGHĨA

Hồi tôi còn nhỏ, mỗi lần ăn làm đổ cơm là má tôi quở: "Tội chết con ơi". Nếu cơm rơi nơi sạch sẽ thì má tôi bắt nhặt lên ăn cho kỳ hết. Nếu lỡ để cơm rơi dưới đất thì má tôi lấy khăn gom lại rồi đem cho gà vịt ăn. Tuyệt đối không bao giờ má tôi dùng chổi để quét cơm. Bà nhặt cơm với

một cử chỉ trân trọng đến kỳ lạ, như là người có lỗi. Lớn lên, tôi hiểu được lý do vì sao má tôi coi trọng hạt cơm đến mê tín, vì rằng đời má tôi nghèo, làm ra được hạt cơm vất vả lắm. Nhà tôi có một mảnh đất nằm cạnh bờ sông Bạc Liêu. Đó là mảnh đất cỏ ngập đến bụng trâu và nhiễm phèn mặn lâu đời. Má tôi trải đời nông dân trên mảnh đất ấy mà dù đã xa hơn 20 năm nó vẫn còn vẹn nguyên trong ký ức của tôi. Đó là những mùa cấy muện của tháng 8 mưa dầm thúi đất, má tôi dầm mưa cấy lúa đến đỏ đèn, bàn tay, bàn chân thúi móng. Đến tháng chạp mùa gặt, đồng loe hoe bông trái, má tôi cấp thúng ra đồng, hướng đôi mắt đỏ hoe lục lọi trong những đám cỏ năn, cỏ nước mặn... để tìm những bông lúa chắc. Hạt gạo của má tôi làm ra thấm đẫm mồ hôi và nước mắt. Từ đó mỗi lần bụng chén cơm lên ăn, tôi nhận ra cái triết lý của hạt cơm. Nó là một bài học nông dân cảm động của đời tôi. Càng lớn tuổi, đầu càng

có nhiều sợi tóc pha sương, tôi càng nhận ra mình giống mẹ ở chỗ càng quý trọng hạt cơm. Trong những bữa ăn hàng ngày, khi nếm cái vị béo béo ngọt ngào của hạt cơm, tôi cảm được mùi mồ hôi và vị mặn của nước mắt của má tôi và của ông bà tôi trước đó. Lớp ông bà tôi là lớp người đi khấn hoang còn cực khổ hơn nhiều. Chính lúc ấy tôi hay nghĩ về vụ án đồng Nọc Nạng năm xưa. Bởi chính nó đã minh họa một cách sinh động thân phận của những con người đi khấn hoang - đó là một lớp người tạo dựng nên những cánh đồng phi nhiêu, cò bay thẳng cánh hôm nay.

Ta thì gọi là vụ án đồng Nọc Nạng nhưng người Pháp gọi là L'affaire de Phong Thạnh. Nó xảy ra vào sáng ngày 16 - 2 - 1928, tại làng Phong Thạnh quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu thời Pháp thuộc. Nay thuộc thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1930 xuất hiện bài về Nọc Nạng của một tác giả khuyết danh:

Trời Nam thiên hạ thái bình.
Kể lo nông nghiệp người thì bán buôn.
Ngàn năm gió thuận mưa thuận
Lúa thì một giá giá thì đồng hai.
Nhơn dân ai nấy mừng thay
Rủ đi làm mướn giá rày dặng cao
Dưới sông Ca-nốt, đò, tàu...
Lộ thì xe chạy, rước thì khách thương...
... Lục tỉnh có Hạt Ba Xuyên,
Bạc Liêu chữ đặt, bình yên dân rày.
Mậu Thìn vốn thiệt năm nay
Một ngàn hai tám tiếng rày nói vang
Phong Thạnh vốn thiệt tên làng.
Giá Rai là quận, chợ làng kêu chung
Anh em Mười Chúc công khùng.
Bị tranh điền thổ rừng rùng thác oan.
Hăm lăm tháng chạp rõ ràng.

Lúc bảy giờ sáng xe quan đến liền.
Chợ đông đương nhóm tự nhiên.
Thấy có lính lại, người liền đến coi
Thuốc đạn, súng ống hẳn hoi
Hai cò bảo lính : "Đòi làng đến đây.
Có trát biện lý bằng nay.
Sai ta xuống rày dong lúa đương tranh !
Thị Trân là vợ huyện Lành
Lành án đành rành mướn bọn ta đi
Biện Toại nhà ở chốn ni ?
Làng phải dẫn lộ ta đi đến liền"
Hai cò bước xuống dò nghiêng,
Bảo làng với lính đi riêng một dò.
Phong Thạnh hương quân tên Cho
Ngồi trước mũi dò bàn luận gần xa;
"Xuống đây ắt bọn nó ra,
Dữ lành chưa biết việc mà làm sao?"

Nước ròng dò xuống đi mau,
Tám giờ đã tới lao xao lên liền.
Cò bảo lính đứng liên biên,
Còn làng phải đứng ra riêng một hàng.
Trong nhà Mười Chúc luận bàn.
Than cùng từ mẫu hai hàng lâm ly...
"Dầu con thác xuống âm ty..."

Theo một số tài liệu và các sách báo thì ông nội ông Mười Chúc (không biết tên) đến rạch Nọc Nạng khai phá từ trước năm 1900. Với số đất là 73 mẫu. Có giả thuyết cho rằng địa danh đồng Nọc Nạng xuất xứ từ điều kiện tự nhiên của vùng đất này. Nghĩa là những người đầu tiên đến đây đã phải cất nhà trên cọc vì nước ngập úng rất sâu. Giả thuyết này hoàn toàn hữu lý vì sau năm 1900 thực dân Pháp mới chủ trương đồng loạt đào kinh xáng Bạc Liêu - Cà Mau, kinh xáng Phụng Hiệp và các kinh xáng theo trục xương sống của 2 kinh

này mà tiêu úng, xổ phèn ra biển Đông. Từ đó cơn lụt thường niên mới giải quyết. Căn cứ vào đó ta thấy rằng khi ông nội ông Mười Chức đến đây khai phá thì đó là một vùng đất hoang, chưa có chủ và họ phải vất vả vô cùng vừa lo chống úng, xổ phèn vừa phải đối chọi với thú dữ như: cọp, heo rừng và muỗi mòng, đĩa vất...

Đến năm 1908, ông này chết, để đất lại cho con là Hương chánh Luông. Đất thì rộng sức người và vốn liếng có hạn, năm 1910, anh em Hương Chánh Luông bắt đầu làm việc tích cực hơn. Đất khai phá phải trải qua 3 năm đầu không thu được huê lợi gì cả, vì rất nhiều rừng rậm, gốc cây, đất lại trũng úng... rồi nạn chuột bọ, heo rừng cắn phá. Đặc điểm lúc đó Bạc Liêu là một tỉnh mà việc đo đạc ruộng đất để lập bộ rất chậm trễ so với các tỉnh miền trên. Lúc đầu khai phá dân cư thưa thớt, không ai tranh chấp gì với gia đình Mười Chức.

Năm 1910 Hương chánh Luông làm đơn xin

khẩn và chịu thuế chánh thức 20 mẫu (hecta). Đây chỉ là động tác thủ tục hành chánh. Đơn này được chấp thuận và được cấp biên lai. Đến năm 1912, anh em Hương chánh Luông rước kinh lý (trường tiền) đến đo đạc theo luật định lúc bấy giờ, để xin cấp bằng khoán chính thức. Và tỉnh trưởng Bạc Liêu đã cấp cho ông Luông bản đồ nói trên.

Quá trình trên cho ta thấy rằng ông cha Mười Chức đã đổ mồ hôi sôi nước mắt khai phá vùng đất này từ thuở chưa có người ở và đã được nhà nước thực dân thừa nhận. Khi ông Hương chánh Luông qua đời đã để phần đất trên cho Biện Toại là con trai cả và các em của ông trong đó có Mười Chức. Những tưởng rằng anh em Mười Chức có thể yên ổn làm ăn, nhưng chính sách điền địa của thực dân đã tạo điều kiện cho bọn cường hào địa chủ chiếm đoạt công sức, đất đai của người đi khai phá. Một chứng minh sau đây sẽ cho ta thấy rõ vấn đề trên:

Năm 1917 có một người Huê kiều giàu khét tiếng tỉnh Bạc Liêu thời đó là Mã Ngân, ông này không muốn làm điền chủ bằng con đường khai phá cực nhọc bởi vì ông biết chính sách và các thủ tục điền địa của thực dân là thiếu chặt chẽ, hơn nữa ông lại là người có tiền, thế cho nên ông Mã Ngân đã mua miếng đất của bà Nguyễn Thị Dương nằm giáp ranh với miếng đất của Biện Toại - Mười Chức, bởi vì hương chức làng Phong Thạnh tiết lộ với ông rằng mảnh đất của anh em Biện Toại là chưa có bằng khoán chính thức. Ông Mã Ngân đã cho bà Dương thêm một ít tiền để trong giấy bán đất cho ông ghi rằng ranh giới đất của bà Dương bao trùm luôn phần đất của anh em Biện Toại (đây là một thủ thuật cướp đất khá phổ biến của bọn địa chủ cường hào lúc bấy giờ ở Bạc Liêu). Mua đất xong, Mã Ngân tìm cách hăm he, cho anh em Biện Toại - Mười Chức biết rằng đất của họ đang làm là đất của ông ta. Anh em Biện

Toại đã làm đơn 4 lần gửi lên Chủ tỉnh, 4 lần gửi lên Thống đốc Nam kỳ và Toàn quyền Đông Dương nhưng chính quyền thực dân đã không giải quyết quyền lợi chính đáng của những người thấp cổ bé miệng. Mãi đến khi Mã Ngân xúi giục tá điền của mình xông qua phần đất của Mười Chúc đốt một căn chòi ruộng và giết chết một con trâu thì chủ quận Giá Rai mới đứng ra phân xử. Chính quyền quận tuyên bố như sau : Chia đôi phần đất của Mười Chúc cho Mã Ngân. Thật là ăn cướp trắng trợn và bênh vực ăn cướp trắng trợn. Dư luận lúc bấy giờ xầm xì bàn tán rằng quan phủ Giá Rai đã ăn hối lộ của Mã Ngân. Cũng năm đó (1919) quan phủ Giá Rai - người ủng hộ Mã Ngân được làm Chủ tịch Hội đồng phái viên để xác nhận sở hữu của từng thửa đất ở làng Phong Thạnh với diện tích chính xác, ranh giới, để cấp bằng khoán chính thức, thế nên kể từ đó chính quyền thực dân xem đất của Biện Toại



**Vườn trúc
Hồng Dân
Ảnh : Thu
Đông**

**Cầu dẫn ra bãi
biển Nhà Mát.
Ảnh : Đỗ Hiếu Liêm**



**Khóm thơm
Ảnh : Văn Khánh**





Muối Gành Hào



Thu hoạch lúa hè thu trên cánh đồng Vĩnh Lợi



*Khách du lịch đến xem mô hình nuôi tôm công nghiệp ở
Bạc Liêu*

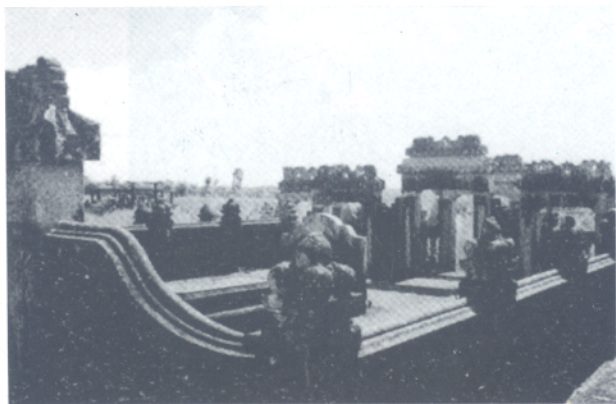
Ảnh : Phương Anh



Ảnh : Nguyễn Văn Thanh



Điện thờ gia tộc Cao Triều Phát



*Làng mộ của gia tộc Cao Triều Phát tại
phường 5 - Bạc Liêu. Ảnh : Phương Anh*



Nghề biển ở Bạc Liêu.
Ảnh : Nguyễn Văn Thanh



Bãi biển Bạc Liêu
Ảnh : Thu Đông



Đàn ca tài tử ở Bạc Liêu. Ảnh : Thu Đông



Cầu qua vườn chim Bạc Liêu. Ảnh : Phương Anh



Du lịch biển Bạc Liêu. Ảnh : Phương Anh



*Giồng nhãn là một trong
các điểm du lịch lý tưởng
ở Bạc Liêu.*

Ảnh : Nguyễn Văn Thanh



Diệp khúc màu xanh

Ảnh : Võ An Khánh



Sân chim Bạc Liêu. Ảnh : Thu Đông



Hương vị quê nhà

Chùa
Xiêm Cán





Đền thờ Bác ở Châu Thới



Nhà mộ của gia tộc Mười Chúc là một trong những di tích lịch sử văn hóa ở tỉnh Bạc Liêu.



Điểm sáng
văn hóa
(Tháp cổ
Vĩnh Hưng).
Ảnh : Lâm
Thanh Liêm



Thánh thất
Giồng Bóm.
Ảnh : Võ An
Khánh



Chùa Ông ở phường 2 - Bạc Liêu



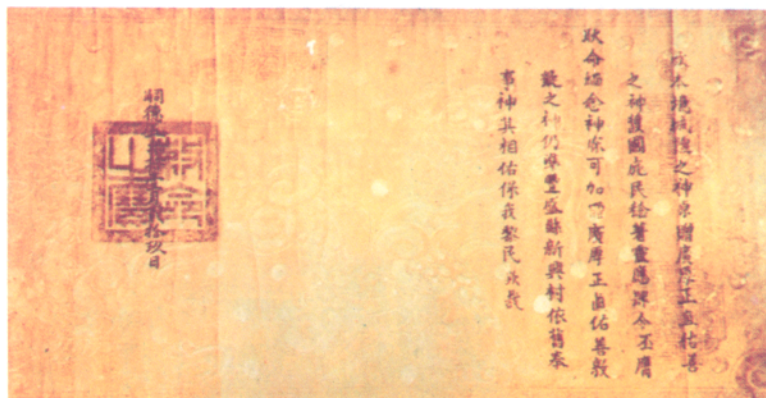
*Tiên sư
Cổ Miếu*

*Chùa Bàng
(Đêm Hoa
Viên).
Ảnh : Đỗ
Hiếu Liêm*





Dinh Tân Hưng : Ảnh : Võ An Khánh



Sắc Phong

đang làm là đất của Mã Ngân. Ngày 13-4-1926, Thống đốc Nam kỳ ký Nghị định thuận mãi sở đất 50 mẫu (của Biện Toại) với giá 5.000 đồng cho Mã Ngân.

Với nghị định trên và với tờ bằng khoán chính thức, Mã Ngân đã buộc anh em Biện Toại đóng lúa ruộng cho mình. Biện Toại - Mười Chúc từ chủ ruộng trở thành kiếp tá điền của Mã Ngân. Quá uất ức vì thành quả ông cha, và vì đã đổ quá nhiều mồ hôi trên mảnh đất này nên anh em Biện Toại - Mười Chúc đã không ngừng tranh đấu, không đóng lúa ruộng cho kẻ cướp. Mã Ngân vì dính líu đến vài chuyện rắc rối khác đối với pháp luật thời bấy giờ nên không dám làm to chuyện, ông ta đã bán mảnh đất trên cho bà Hà Thị Trân. Bà này vốn có bà con với viên quan phủ đã từng ủng hộ Mã Ngân cướp đất Mười Chúc và là vợ của một quan huyện tên Lành, thế nên ngày 06-12-1927 bà Trân đã xin được một án lệnh của

tòa cho phép tịch thu tại chỗ tất cả lúa mà anh em Biện Toại gặt được. Ngày 13-2-1928, lính mã tà mang án lệnh tới gặp anh em Biện Toại - Mười Chức để thu lúa, nhưng đã bị kháng cự. Ngày 14, tức ngày hôm sau lính mã tà tiếp tục đến một lần nữa nhưng đều bị chống đối. Ngay trong đêm ấy, anh em Biện Toại - Mười Chức đoán chắc rằng ngày mai, lính sẽ đông hơn, thái độ sẽ kiên quyết hơn vì đây là lần thứ 3 sau 2 lần cảnh cáo. Biện Toại với vai trò con trai cả đã cho tụ họp toàn bộ anh em, dâu rể để làm lễ lạy ông bà. Bà Hương chánh Luông cũng được mời ngồi để các con lạy (tế sống), gọi là báo hiếu lần chót. Tất cả anh em của Biện Toại đều chích huyết vào tô rồi thay phiên nhau uống và thề rằng quyết tâm một lòng một dạ sống chết với kẻ thù để giữ gìn thành quả ông cha. Sau đó anh em Biện Toại - Mười Chức bắt thăm xem ai là người đứng ra hy sinh đầu tiên. Lá thăm đầu do cô Trọng, em gái Biện Toại -

Mười Chúc trúng. Không muốn thấy cảnh em gái thay các anh trai liêu chết, anh em Biện Toại - Mười Chúc lại tổ chức bắt thăm và lần này cô Trọng cũng lại bắt trúng thăm. Anh em Biện Toại - Mười Chúc nghĩ rằng chắc ông bà xui khiến thế nên thôi.

Một nguyên nhân khác dẫn đến hành động quyết tâm liêu mình của cả nhà Mười Chúc là vì họ đã bị đẩy đến đường cùng. Trước đó, khi có án lệnh của Tòa, hương chức làng Phong Thạnh đã ra lệnh bắt bà Hương chánh Luông giam 24 tiếng đồng hồ. Thầy Hương thân của làng đã mượn người gặt lúa Biện Toại, mặc dù Biện Toại xin được gặt lúa rồi đóng thuế sau nhưng không được chấp nhận. Và hương chức làng đã thông báo số lúa họ tự thu hoạch trên ruộng của Mười Chúc là 2.080 gia thay vì 3.500 gia như phởng định và số lượng thu hoạch thường niên của gia đình Mười Chúc. Điều đã làm cho họ thật đau đớn và uất ức

vì năm đó họ sẽ lâm vào nạn đói khổ, bởi xứ này tất cả đều trông cậy vào hạt lúa.

Khoảng 7 giờ sáng, hai tên cò Tây là Tuornier và Bouzou cùng bốn tên lính mã tà từ Bạc Liêu đến Phong Thạnh để tiếp tay với hương chức làng thi hành án lệnh của Tòa, đóng sổ lúa hiện ở trên phần đất của anh em Biện Toại. Cùng đi có Hương thân, Hương hào và Hương quản làng Phong Thạnh. Họ đi từ Giá Rai vào bằng đò theo con rạch Nọc Nặng, một trong 2 tên cò Tây mới mua khẩu súng săn còn bắn chết một con cò.

Gia đình Mười Chúc cất nhà nằm rải rác trên con rạch Nọc Nặng. Còn đồng lúa thì nằm cách đó 500m. Khi bọn cò lính đến thì cô Nguyễn Thị Trọng, em ruột của Biện Toại cùng với đứa cháu gái 14 tuổi tên Tư ra xem. Một trong hai tên cò Tây đuổi cô Trọng đi vì cho rằng trẻ con đàn bà không biết gì, hấn yêu cầu thông báo cho người lớn ra để chứng kiến việc đóng lúa. Cô

Trọng không đi mà nói : "Sống chết ở đây". Sau khi nghe viên đội mã tà thông dịch, tên cò lại đuổi một lần nữa. Thế nhưng cô Trọng vẫn kiên quyết không đi mà đòi : Sau khi đong lúa xong phải giao cho cô một giấy biên nhận ghi rõ số lượng lúa đã đong. Tên cò điên tiết tát tay vào mặt cô Trọng. Cô Trọng rút trong áo ra một cây dao nhỏ. Tên cò Tournier đập một báng súng làm cho cô Trọng té xỉu. Cò Bouzou tiếp tay giật dao của cô Trọng rồi tự làm đứt tay một vết xoàng. Sau đó lính mã tà trói cô Trọng lại.

Đứa cháu tên Tư chạy vào nhà báo cho anh em Mười Chúc sự thể. Thế là anh em Biện Toại chạy ra, trên tay cầm dao mác, gậy gộc. Họ chia làm 2 tốp, tốp thứ nhất do Mười Chúc cầm đầu, tốp thứ hai do bà Nghĩa, vợ Mười Chúc chỉ huy. Trước tình thế đó tên cò Tây ra lệnh cho đám lính mã tà sẵn sàng ứng phó và kêu lính bảo Mười Chúc buông vũ khí.

Mười Chúc chạy đến gần hơn, cò Tournier bèn bắn dọa một phát. Nhưng Mười Chúc vẫn tiếp tục xông lên và lần này thì tên cò nhắm ngay Mười Chúc mà nổ súng. Trúng đạn, Mười Chúc bị thương nặng nhưng vẫn cố vượt lên dùng dao đâm trúng tên cò vừa bắn mình ngay bụng.

Anh em Mười Chúc tấn công bọn lính mã tà và tên cò Bouzou và tên này đã rút súng bắn làm bị thương nặng 4 người. Sau đó súng hết đạn, hấn bường lên giật súng của cò Tournier bắn tiếp làm cho một số người bị thương và chết tại chỗ.

Sáng hôm đó, Mười Chúc và vợ (tên Nghĩa) cùng với một người anh tên Nhẫn chết. Ba ngày sau một người anh nữa của Mười Chúc tên Nhịn cũng chết, còn người em út tên Liễu thì bị thương. Bài về Nọc Nạng nêu : "Năm người đối một thằng Tây" là tính luôn đứa con của Mười Chúc còn nằm trong bụng bà Nghĩa, thực tế gia đình Mười Chúc chết tất cả 4 người. Số còn lại bị chính quyền thực

dân bắt, gồm có: Biện Toại và một người con, cô Trọng, Miên - em rể Biện Toại....

Phía thực dân chỉ có tên cò Tournier đến mạng.

Báo chí Việt ngữ Sài Gòn lúc bấy giờ đưa nhau khai thác vụ đồng Nọc Nạng. Thực dân Pháp mở Tòa đại hình xét xử vụ án tại Cần Thơ vào ngày 17-8-1928. Cái chết của gia đình Mười Chúc đã làm động lòng trắc ẩn nhiều người, nhiều giới. Một ký giả đương thời nổi tiếng là Lê Trung Nghĩa, quê tại làng Phong Thạnh đã ủng hộ gia đình Mười Chúc bằng cách, một mặt ông viết bài bênh vực, một mặt ông vận động luật sư danh tiếng cãi cho gia đình Mười Chúc tại Tòa không lấy tiền. Sau phiên xử án, nhân dân Cần Thơ đã quyên góp tiền để làm việc nghĩa là đãi tiệc những người ủng hộ gia đình Mười Chúc rồi lo cho gia đình Mười Chúc về quê...

Dư luận báo chí và dư luận quần chúng tại

thời điểm đó cũng bộc lộ một điều, qua vụ án đồng Nọc Nạng: Những người đi khấn hoang thời đó đã rưới mồ hôi nước mắt và cả máu của mình trên từng thửa vườn mảnh ruộng. Vậy mà thành quả lao động lại không được thụ hưởng, vì bọn địa chủ cường hào cấu kết với quan lại tham nhũng đã ăn cướp trên tay họ. Bản chất của chính sách nông nghiệp nhà nước thực dân là thế, luôn luôn ủng hộ giai tầng giàu có. Còn thân phận nông dân nghèo phải khoác kiếp tá điền "ăn cơm người giữ đìa cho chủ".

Vụ án đồng Nọc Nạng đã minh họa một cách sinh động thân phận tủi buồn và công đức vô cùng to lớn của tiền nhân chúng ta - những con người đi khấn hoang lập ấp, khai sinh ra mảnh đất Bạc Liêu cò bay thẳng cánh, lúa chín vàng đồng.

Giờ đây đồng Nọc Nạng nằm trong vùng ngọt hóa Quần lộ Phụng Hiệp, nó không còn cái cảnh ngập lụt nước dâng đến bụng trâu, nông dân

phải cất nhà trên cọc... mà thay vào đó là cánh đồng sản xuất 2 - 3 vụ lúa với năng suất cao chưa từng có so với thời khẩn hoang đến giờ. Nông dân của đồng Nọc Nạng cuộc đời được khoác lên vai trò làm chủ và sống trong một không gian yên bình với cuộc sống đầy đủ và dần giàu lên. Mộ mã của những người chết trong vụ án đồng Nọc Nạng đã được chính quyền sở tại xây cất yên đẹp. Khu mã đồng Nọc Nạng đã được Nhà nước công nhận di tích lịch sử quốc gia. Sự đổi thay đó nếu như không có tấm bia ghi dấu vụ án đồng Nọc Nạng thì thế hệ ngày nay sẽ chẳng bao giờ nhận ra công đức của các bậc tiền nhân chúng ta.

Được biết, ngành du lịch mở tuyến du lịch về vùng đất đồng Nọc Nạng lịch sử thì tôi rất mừng. Hãy đưa thế hệ trẻ về đó để họ tiếp cận một câu triết lý ẩn trong tấm bia di tích đồng Nọc Nạng. Đó là một triết lý về hạt cơm, về cánh đồng vàng mơ lúa chín hôm nay, về cuộc đời này nó được

phát sinh ra từ mồ hôi, nước mắt và máu của những người đi khai phá.

Bạc Liêu, tháng 8-2000

Ghi chú : Bài về Nọc Nạng và một số số liệu được dẫn từ sách "Lịch sử khẩn hoang miền Nam" của Sơn Nam.

Tháp cổ
**Vĩnh
Hưng**

TRẦN VĂN HẠNH

Ai đã một lần về thăm Bạc Liêu đều mang theo ấn tượng đẹp về Hắc Công Tử, Vườn chim, về nhân Bạc Liêu, về nhân vật lịch sử Việt Nam - Cao Triều Phát, người trí thức yêu nước, nhạc sĩ Cao Văn Lầu - người khai sinh ra thể loại vọng cổ

ngày nay, đồng Nọc Nạng - sự kiện lịch sử đấu tranh của nông dân với Pháp thời kỳ Bạc Liêu còn chưa có Đảng Cộng sản lãnh đạo.v.v. Thật thiếu sót nếu chưa ghé qua Tháp cổ Vĩnh Hưng - một công trình kiến trúc thuộc dòng văn hóa Óc Eo, được liệt vào danh mục di tích quốc gia (theo danh mục di tích hiện nay). Tháp đã trải qua bao thế kỷ tồn tại và cũng có bao tên gọi khác nhau - Tháp Trà Long, Tháp Lục Hiền - là tên của hai vị sư trụ trì giữ gìn nơi đây. Nhưng ngày nay, mọi người quen gọi với cái tên Tháp cổ Vĩnh Hưng, bởi vì Tháp có dáng vẻ cổ xưa này tọa lạc thuộc địa phận xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, cách trung tâm thị xã tỉnh lỵ Bạc Liêu khoảng 20 km về hướng tây bắc theo đường chim bay. Đến với di tích, có thể chọn một trong hai loại phương tiện xe hoặc tàu. Chọn phương tiện xe thì đi từ trung tâm thị xã theo lộ Cầu Sập - Vĩnh Hưng rẽ trái 2km vào đến Tháp. Chọn phương tiện tàu để

ngắm cảnh sông nước Bạc Liêu ven bờ có cây trái xanh tươi và hầu như quanh năm có đồng lúa xanh tươi, óng ả trĩu bông, có nước ngọt dẫn về từ con sông mẹ Mê - Kông.

Từ xa, trông ngôi Tháp có khối hình trụ đứng sừng sững giữa rừng cây, với dáng vẻ cổ kính - một phần bị rong rêu phủ, còn lại nhiều chỗ gạch loang lỗ khuyết sâu vào gần bên trong lòng Tháp bởi thời gian dài chịu ảnh hưởng của mưa nắng. Gần tháp khoảng mười thước hiện ra một nét kiến trúc tuyệt vời, khá giống với một loại kiến trúc nào đã từng gặp. Vâng, kỹ thuật chế tác gạch và kỹ thuật cấu trúc kết dính gạch lại với nhau không có khoảng đệm ở giữa rất giống với tháp của người Chăm ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận... Ngày nay, trong xây dựng, người ta dùng chất liệu kết dính bằng xi măng, hoặc trước đó dùng vôi vữa. Ngày xưa, cổ nhân ở đây đã có kỹ thuật xây dựng hết sức độc đáo mà

các nhà khoa học bây giờ vẫn chưa lý giải thống nhất - họ dùng chất kết dính có nguồn gốc thực vật, hay áp dụng phương pháp mài những viên gạch thô (gạch chưa nung) đem xếp chồng lên thành hình ngôi tháp, xong phủ lớp rơm, gỗ đốt nung đến khi gạch đạt đến độ cứng ? Mặt khác đến với Tháp cổ Vĩnh Hưng, người xem không khỏi thắc mắc - gạch ở đoạn dưới có màu đỏ, đoạn trên có màu trắng, phải chăng Tháp đã có lần trùng tu ?

Để lý giải những vấn đề trên, có lẽ nên nhường lại cho các nhà khoa học. Trở lại với di tích, ngoài ngôi tháp trong khu vực còn có chùa Phước Bửu Tự theo phái Bắc Tông, hằng ngày đều có khách thập phương đến thăm viếng thắp hương, đông nhất là ngày rằm tháng giêng hằng năm (ngày 15-1-âl), hằng ngàn người trong và ngoài tỉnh đổ về dâng hương. Dòng người qua lại xen kẽ với các quầy hàng được bày bán theo lệ

đường chật ních cả lối vào. Đêm đến, có vô số chiếc lều nhỏ dựng lên, du khách dễ nhận ra ở ngoài đồng ruộng, sau vườn, quanh chân tháp, nói chung chỗ nào trống là họ có thể căng lều, móc mùng ngủ tạm qua đêm. Người không ngủ được thì thỉnh thoảng đến đốt nhang lễ Phật. Cứ như vậy, đến sáng lúc nào các bát hương cũng nghi ngút khói. Tất cả đều có chung một ý nguyện cầu phúc, cầu an, khẩn vái mua may bán đắt.

Chùa Phước Bửu Tự được người Việt tái tạo lại trên nền chùa cũ (theo phái Nam Tông), ngày xưa người dân Khmer trong vùng xây dựng làm nơi tu hành của các vị sư và chăm lo giữ gìn ngôi tháp. Do điều kiện chiến tranh, các vị sư cùng dân Khmer ở đây di tản đi tứ xứ, không người trông nom, hoang phế dần dần; ngôi chùa không còn tồn tại cùng với tên gọi của nó. Các tượng Phật đem gởi tận chùa Địa Muồng (huyện Hồng Dân) đến nay vẫn còn lưu giữ.

Cảnh vật ở đây thật hấp dẫn du khách, ngoài công trình kiến trúc tháp, du khách có thể hít thở không khí trong lành đượm mùi hương hoa đồng nội, đôi mắt bao quát cánh đồng rộng mênh mông phì nhiêu của một vùng đất đã được ngọt hóa. Điều thú vị ở đây còn là di chỉ khảo cổ gần như lộ thiên trên mặt đất. Ở mỗi bước chân trong cũng như ngoài khuôn viên di tích bao trùm một vùng rộng lớn có đường kính gần 1km, bắt gặp rất nhiều những mảnh gốm thô đủ màu sắc, nâu, xám sậm, xám lơ lửng, trắng ngà... và nhiều mảnh gốm, mảnh đá có khắc hoa văn khác nhau. Nhìn thoáng qua không thấy gì quý hiếm, nhưng đối với các nhà nghiên cứu nó như có ngôn ngữ đặc biệt chứa đựng lượng thông tin vô cùng quan trọng. Từ các di vật ấy, các nhà khoa học khẳng định đây là đặc trưng của nền văn hóa Óc-eo rất phổ biến trong vùng đồng bằng Tây Nam bộ.

Tháp cổ Vĩnh Hưng là công trình kiến trúc

nghệ thuật có niên đại dịch ra từ bia đá : 892 AD (sau Công nguyên) và là nơi tín ngưỡng của nhân dân đã được Bộ Văn hóa Thông tin ra Quyết định số 983 ngày 04/08/1992 liệt vào danh mục di tích quốc gia.

Trần Văn Hạnh

Đất Giồng Bồm

Bút ký TẠ VIỆT HOA

Chiếc đò dọc nổ máy đưa chúng tôi lướt trên con kênh thẳng. Mạn tàu rẽ hai lượn sóng cứ cuốn áp, cuốn áp vào bờ. Nắng sáng mùa thu âm ỉm. Đôi ngọn gió hè cuối mùa còn lại trái dài trên đồng lúa hè thu, nghe thoang thoảng một mùi thơm dễ chịu. Đò cứ lao qua nhiều xóm nhỏ, nhà lá lẫn nhà xây cứ ẩn hiện, ẩn hiện nối tiếp nhau hình thành một vùng quê mới hồi sinh, sau nhiều

năm chiến tranh tàn phá. Thời gian trôi qua 20 phút, chúng tôi đã đến Thánh thất Cao Đài Ngọc Minh - Giồng Bóm.

Xin cho chúng tôi nói ngược lại dòng lịch sử. Tại đây, vào năm 1940, sau cuộc "Nam kỳ khởi nghĩa" thất bại, thực dân Pháp bắt chấp đạo lý... viện cớ Tòa thánh có liên quan với Cộng sản, ra lệnh cấm, đóng cửa Thánh thất, tịch thu, phá hủy kinh sách, khủng bố tù đầy một số chức sắc Cao Đài ! Thế như đàn chim mất tổ, bà con có đạo ở đây không nơi tu niệm, bơ vơ lạc lõng. Thực tế đó, đã làm cho hàng vạn người giáo - lương vùng này nhận thấy rằng : Tổ quốc chưa được tự do độc lập, thì tín ngưỡng không được tôn trọng; thậm chí còn bị chà đạp!

Như thế, trước mắt của mọi người, lương - giáo còn phải tạm cam sống cái "thân phận" nhục mất nước, mất đạo... Nhưng áp bức càng nặng, căm thù càng cao, cuộc Cách mạng Tháng Tám

bùng nổ và thành công, làm rung chuyển địa cầu, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Hàng vạn người lương - giáo ở đây, thể như chim xõ lông bay về tổ cũ. Họ càng đoàn kết chặt chẽ hơn, cùng nhau tất bật sửa chữa lại nơi cung kính của mình. Thế rồi, chao ôi ! Thời gian vui vẻ vừa lòng người, đẹp lòng đạo không được bao lâu thì thực dân Pháp, được sự giúp lực của quân đội Anh nổ súng đàn áp cách mạng, mục đích nô lệ hóa dân tộc ta lần thứ hai.

Tháng 01 năm 1946, thực dân Pháp tái chiếm tỉnh Bạc Liêu. Năm chung trong âm mưu biến đạo Cao Đài thành một lực lượng gọi là "Bảo hoàng" nhằm ý đồ đánh phá chánh quyền non trẻ của cách mạng. Từ đó, chúng coi "Thánh thất Cao Đài Ngọc Minh" Giồng Bóm, vừa là đối tượng phải lôi kéo, vừa là chiếc gai trong mắt phải nhổ. Chúng nhiều lần dùng mọi thủ đoạn ve vãn ông Cao Triều Phát. Vì chúng biết ông này là người ở

Pháp lâu năm, đổ bằng Kỹ sư Nông học; mặt khác chúng không ngừng dò xét mua chuộc dụ dỗ một số chức sắc Cao Đài Minh Chơn đạo - Giồng Bóm. Cuối cùng chúng bị thất bại, phải gài lại tên gián điệp Hồng Y Tử, với tư cách là tín đồ ngày đêm ăn ở hoạt động tại Thánh thất.

Đối phó lại âm mưu phản động của thực dân Pháp và tay sai, vào hai ngày 14 - 15 tháng 10 năm 1945 - Ất Dậu, dưới quyền chủ tọa của Thái chưởng Pháp, quyền chưởng quản hiệp thiên đài Cao Triều Phát tiến hành cuộc khoáng đại hội nghị kêu gọi toàn thể tín đồ đạo lần đời đoàn kết đứng lên chống giặc cứu nước, thực hiện ba trong năm lời nguyện của Cao Đài :

"Nhì nguyện phổ độ chúng sanh", "tứ nguyện thiên hạ thái bình" và "Ngũ nguyện thánh thất an ninh". Thế là :

Đạo cùng đời cứu khổ sanh linh

Trong khi nước mất thân mình sao yên.

Hội nghị khoáng đại còn quyết định: Lấy Tòa Thánh Ngọc Minh làm căn cứ kháng chiến; ông Cao Triều Phát làm Tổng tư lệnh. Vì hoàn cảnh mỗi ngày giặc Pháp tiếp tục lấn chiếm theo Quốc lộ 1A và một số vùng của Giá Rai, Cà Mau. Lúc bấy giờ Tòa Thánh Ngọc Minh là nơi vùng sâu, xa giặc, tạm tránh né yên tĩnh. Dư luận ngày càng rộng, nhân dân tản cư đến mỗi lúc càng đông, có khi lên đến hàng vạn người. Xuống, ghe đậu dài theo hai ven sông chen chúc như hội chợ; trên bờ che rạp cất chòi dầy đặc trong các khu vườn, nương lộ... Hàng ngày, mặc dù có dư luận giặc lấn chiếm, nhưng không làm xao xuyến đến tinh thần của nhiều người lánh nạn. Từ chén gạo, hột muối, chiếc quần bô, áo bố... được chia sớt nhường nhau trong những ngày nương náu. Những người lương, giáo ngày ngày siết chặt hàng ngũ, lấy nhiệm vụ chống giặc Pháp làm mục đích, để giữ gìn sự bình an cho mình. Hằng

ngày, được sự hướng dẫn của Ban chỉ huy Tòa Thánh, các mặt chiến đấu đã được chuẩn bị: Thanh niên phân công nhau canh phòng nghiêm ngặt; hàng trăm ghe xuồng xuôi ngược vận động lương thực, không chỉ lo cho yêu cầu ăn uống hằng ngày, mà còn có dự trữ; từng nhóm, từng nhóm người hăng hái đi sưu tầm vận động gang thép, ống sắt, dây chì... để về làm vũ khí; ngoài sân Thánh địa không ngừng luyện tập của nhiều trung đội, đại đội.

"... Công trường búa đập vang vang

Ngoài trời bãi tập không màng nắng mưa..."

- Có ai ngỡ rằng từ một nơi yên tĩnh tu hành, mà nay đã trở thành một công trường, bãi tập. Tất cả các loại vũ khí : súng kíp, đại bác tự tạo, kiếm cung, tầm vông vạt nhọn, mã tấu, dao găm, có cả một ít cây súng trường của Tây, Nhật... đều được tạo ra và về tay thanh niên đạo, đời. Đặc biệt trong lúc này, Tòa Thánh có sử dụng

4 người Nhứt Bồn để bước đầu hướng dẫn chiến sĩ bắn súng trường. Và sau đó, được ông Cao Triều Phát đặt tên Việt Nam cho 4 người này là : Thắng, Ngươn, Thành và Cao. Hằng tiểu đoàn được tổ chức trang bị vũ khí và đã trải qua bước tập luyện, chiến sĩ như được hun đúc thêm ý chí chiến đấu, họ cùng nhau đồng thể nguyện, quyết đánh giặc Pháp để giữ gìn nơi yên lành !

Vì chân lý "Nước vinh, đạo sáng", nhờ yếu tố cao cả đó mà bốn tháng trời, đầy gian khổ thử thách ở đây đã trôi qua. Lá cờ Tam Thanh của đạo được Tòa Thánh hạ xuống, lá cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc được kéo lên đỉnh cột cao 12m bay phất phới, càng thúc giục thêm tinh thần yêu nước, trọng đạo của mỗi người.

Thật đúng lời thường nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc "Đế quốc đi đến đâu, như mây mù mang lại giông tố". Nhiều lần giặc Pháp tấn công vào Mặt trận Tân Hưng - Cà Mau, bị quân

dân ta đẩy lùi, nay chúng lại mở thêm trận Giồng Bóm. Như thế sự độ sức của hai lực lượng bắt đầu. Một bên là lực lượng của những người nông dân có đạo lẫn đời, lấy sức mạnh chánh nghĩa cầm thù giai cấp, dân tộc, yêu đạo... làm yếu tố thắng lợi. Bên kia dùng hành động bạo tàn, dựa trên súng đạn hiện đại, quân đội nhà nghề làm sức mạnh đàn áp. Ngày mồng 5 tháng 3 năm Bính Tuất, giặc đưa một trung đội đi vào Tòa Thánh thăm dò. Biết trước, Tòa Thánh bố trí lực lượng nửa đường chặn đánh, bất ngờ giặc bị thiệt hại phải bỏ chạy, ta truy kích đến ngã ba Đầu Sáu. Thắng lợi trận đầu, Tòa Thánh tổ chức mừng công.

Đã hiểu được sức ta, sau một tuần lễ, vào ngày 11 tháng 3 âm lịch, nhằm ngày 12 tháng 4 năm 1946, thực dân Pháp hết sức dã man dùng 3 máy bay chiến đấu (công cộc) đến ném xuống nhiều bom và bắn phá ác liệt vào Tòa thánh Ngọc

Minh. Chúng gây thiệt hại rất nặng nề về người và của trong khu chánh điện, làm 11 chức sắc và 9 chiến sĩ hy sinh (!) Bị tổn thất người nặng, vì buổi đầu Tòa Thánh chưa biết cách đối phó với máy bay. Tuy bị thất bại đau đớn, nhưng ý chí quyết giữ Tòa Thánh của những người ở đây không lay chuyển. Bởi lẽ ý nguyện của họ cùng dân tộc đánh đuổi giặc ngoại xâm, nguyện trả thù, bắt giặc đền nợ máu; góp phần vào sự nghiệp giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Cuộc chiến đấu không ngang sức lại tiếp diễn, qui mô ngày càng lớn. Ngày 13 tháng 4 năm 1946 - Binh Tuất, Pháp lại đưa lực lượng cấp đại đội gồm 100 quân đánh vào Tòa Thánh. Đã đoán được trước, ta bố trí lực lượng từ xa, bất ngờ nổ súng, bị thiệt hại buộc giặc phải rút lui, mang theo 20 xác chết và bị thương.

Đánh chết cái nết không chừa, vào buổi sáng mùa hè êm ả, ánh nắng trong lành, bầu trời

quang đăng - ngày 14 tháng 3 năm Bính Tuất, nhằm ngày 15 tháng 4 năm 1946, thực dân Pháp cay cú, hần học, hung hăng huy động lực lượng lớn : có tàu sắt, máy bay do thám L19 (đầm già) dẫn đường và hơn 1 tiểu đoàn lính, có cả lính lê dương... Chúng chia làm ba mũi đánh vào Tòa Thánh và Ngũ hành tòa. Như thế, cuộc chiến đấu lần thứ tư của những người mến đạo, phải một còn một mất với bè lũ khát máu xâm lược. Bầu trời đất Giồng Bóm đã bị giặc Pháp khuấy một màu đen - đầy máu và nước mắt ! Vậy, xin mời bạn hãy hình dung và nghe lại "Trận chiến đấu lưu danh sử sách này". Súng lệch của Tòa Thánh nổ cùng một lúc, các anh Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Văn Truyền và Đặng Văn Kế... sử dụng rất quả cảm, thông minh mấy khẩu đại bác tự tạo của ta, bước đầu gây nhiều thương vong cho địch. Thật vậy :

Súng kíp, đại bác nổ vang

Gây cho xác địch ngổn ngang bên đường.

Tiếng súng của ta nổ, chen cùng tiếng súng giặc, tiếng hô, tiếng hét... "Xông lên" ghê rợn một góc trời đất Giồng Bóm. Nửa ngày chiến đấu dưng cảm, bất ngờ mấy khẩu đại bác tự tạo của ta lại đứt nòng ! Máu của chiến sĩ - người vì chính nghĩa lại tiếp tục đổ loang đầy mặt đất, lẫn máu hôi tanh của quân xâm lược. Trận địa diễn ra bất lợi cho Tòa Thánh. Để bảo tồn lực lượng, một bộ phận lớn của Thánh thất rút ra an toàn, trong đó có ông Cao Triều Phát. Lực lượng còn lại vẫn không lùi bước. Giặc thừa thế tràn vào "trận xáp lá cà" trở nên ác liệt. Tất cả chức sắc, chức sự, anh chị em trong Thánh thất đều dùng dao mác, gậy gộc... chống lại súng đạn, lưới lê, họ bất chấp hành động cực kỳ dã man của quân Pháp và tay sai. Một hình ảnh khó tả :

"... Lá cà xáp chiến kinh hoàng

Tiếng hô "sát", "sát" âm vang góc trời".

Đặc biệt, trong trận có bác giáo sư Ngô Hữu

Chiều 65 tuổi, dùng gậy đập bể đầu tên lính Pháp, chị Nguyễn Thị Lượm 55 tuổi, dùng dao xắt chuối chém tên lính Pháp bị thương nặng; mặc dù bị thương nhưng không lùi bước, chị nhào tới ôm cổ cắn vào cuống họng tên lính Pháp.

Cuộc chiến đấu gần trưa, tiếng súng, tiếng la thưa dần, đến 12 giờ thì tiếng súng gần như im bật. Bọn giặc hoảng hốt, thiêu đốt tất cả Thánh thất, trong đó còn xác người cũng bị cháy. Chúng gấp rút gom quân rút lui, mang theo hơn 100 xác chết và bị thương; trong đó có một tên đại úy Pháp. Bên Thánh thất gồm : các chức sắc, chức việc, chiến sĩ... hy sinh và bị thương gần 300 người. Trong số hy sinh có đại đội trưởng Huỳnh Văn Trọng !

Sáng sớm hôm sau 16 tháng 4 năm 1946, đất Giồng Bóm chỉ còn trơ lại cái cảnh Thánh thất cháy rụi, xơ xác, hoang tàn ! Vạn vật cỏ cây khô héo, nhiều người đến đều nguyện rửa, cảm

thù tột độ giặc Pháp và bọn tay sai ! Ai ai cũng đều thương tiếc người vì đạo, vì Tổ quốc đã ngã xuống nơi này.

Thế mà bọn cướp bán nước chưa từ bỏ hành động man rợ, cách thời gian sau, chúng lại dùng máy bay hai lần đến đây bắn phá ! Mặc dù Thánh thất chỉ còn là gian nhà lá nhỏ.

Giặc Pháp đi, giặc Mỹ lại đến, chúng vẫn nối tiếp con đường hôi tanh, dùng máy bay đến Thánh thất Ngọc Minh hai lần bắn phá. Qua hai lần Thánh thất bị đổ nát xiêu vẹo, bà con tín đồ đến sửa chữa lại.

Cần tạo dựng lại có nơi thờ cúng của họ đạo Cao Đài Minh Chơn đạo Giồng Bóm và tỏ lòng ghi ơn sâu kính với những liệt sĩ, những người đã ngã xuống tại đây; năm 1999, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bạc Liêu, đã đóng góp một số vốn để xây dựng lại Thánh thất.

Như thế, Tòa chánh điện được chọn năm

trên khu đất mà 54 năm về trước đã thấm sâu xương máu của nhiều người đã "Vị quốc vong thân" và cũng là nơi nhiều lần Thánh thất đã bị nghiêng ngửa, đổ nát, thăng trầm trong thời kỳ bạo tàn của chế độ thực dân. Nay Tòa Thánh được xây dựng lại cơ bản bằng vật liệu nặng. Tuy đáng vóc với qui mô vừa, không lớn, mà vẫn biểu thị tính nghiêm trang, tôn kính sâu sắc... và phản ánh được cội nguồn đầy đủ, bằng tám biển chữ to "TÒA THÁNH NGỌC MINH" trước chánh điện.

Cặp bên trái của Thánh thất từ cầu sông đi lên con lộ đá xi măng chiều ngang rộng 2,50m, dài gần 40m. Cuối đường là chân "THÁP" có bề thế khá rộng, cao, uy nghi. Diện mạo "THÁP" thể hiện đường nét cấu trúc vừa mang tính văn hóa cổ truyền, vừa mang tính hiện đại, thích nghi kim cổ. Bước vào Tháp, đôi liễn chữ to, làm chúng tôi cảm nhận về cái gì rất thiêng liêng :

Tổ quốc ghi công

Đạo đời nhớ ơn.

Chính giữa "THÁP" có tấm biển nằm trên ô hình chữ nhật, nổi lên 4 chữ đỏ và to "ĐÀI TRUNG LIỆT THÁNH". Hai bên có đôi liễn :

Tổ quốc ghi công người vì nước

Đạo đời tưởng nhớ bậc hữu công.

Kiến trúc "THÁP" có một nơi chiếm không gian không lớn, mà chúng tôi rất lưu ý, đó là tại vị trí cột chính giữa, nhiều tấm đá màu đen, hình chữ nhật, cao 1,20m, được kết cấu kỹ thuật ôm tròn vào cột, hình thành "Tấm bia" phản ánh màu sắc đẹp, nghiêm túc, nổi lên nhiều dòng chữ ghi họ tên, quê quán của 129 liệt sĩ Giồng Bóm, đã được Nhà nước công nhận.

Chúng tôi đến đây vào buổi sáng đầu thu. Những mảnh mây trắng mỏng bay bồng bềnh, tạo thành không gian êm ả ở vùng quê. Ngồi uống trà trong nhà khách của Tòa Thánh, mắt tôi mãi ngắm soi ngoài vòm trời cao. Thỉnh thoảng, tôi lại

nhìn vào gốc cây phi lao to lớn có độ tuổi 60, đang vươn cành nảy lá. Có lẽ cây phi lao này cũng là một trong nhiều nạn vật, hoặc nhân chứng lịch sử của thuở người anh dũng. Đầu óc tôi cứ miên man tưởng tượng ngược lại dòng lịch sử 54 năm về trước. Có lúc tôi quay trở lại thực tại - với lăm suy tư về sự nối tiếp của quá khứ, hiện tại và tương lai đây. Những di tích còn tồn tại của quần thể "Thánh thất Ngọc Minh" ngày nay, như thầm nhắc nhở người giáo cũng như lương, cùng các thế hệ nối tiếp rằng : Đây là những dấu vết đáng yêu, đáng kính của những người đi trước, máu thịt của họ đã ngấm sâu vào lòng "Đất Giồng Bóm". Vào thời gian tới, có thể Bộ Văn hóa sẽ công nhận "Tòa Thánh Ngọc Minh" là một di tích lịch sử. Chừng ấy, chắc chắn chúng ta - đạo cũng như đời đều vui mừng, sẽ cùng nhau ra sức tạo dựng cho "khu này" không những là nơi nhớ ơn, làm vui lòng liệt sĩ, mà còn trở thành khu ngoạn

cảnh lý thú, vui chơi giải trí, du lịch..., đủ sức hấp dẫn tình cảm khách nhiều phương, trong những năm đầu của thiên niên kỷ mới.

Mùa thu 2000

Đình Tân Hưng

VÕ AN KHÁNH

Tôi đến đình Tân Hưng và hân hạnh được tiếp xúc với quý vị sau đây :

1/- Ông Quách Mộc Lâm, từng giữ chức Trưởng ban Trị sự từ sau ngày đất nước thống nhất đến đầu năm 1999 (Chức danh này trước đây gọi là Chánh bái, Phó ban Trị sự gọi là Bồi bái). Sau khi thôi giữ chức Trưởng ban đến nay, ông Lâm được mời làm cố vấn Ban Trị sự của đình này.

2/- Ông Hứa Tích Quang, trước đây là Phó ban, được cử làm Trưởng ban thay ông Lâm.

3/- Ông Trương Trung Lập làm cố vấn. Đó là những người trụ cột, đã cùng tập thể Ban Trị sự đóng góp nhiều công sức, của cải vào việc chăm sóc, tu bổ để duy trì và phát triển ngôi đình này đến nay, dù phải trải qua lắm biến đổi thăng trầm.

Điều đã làm cho tôi băn khoăn, không thỏa mãn về nguồn tư liệu mà mình đang có, bởi ai cũng muốn tìm hiểu ngược dòng thời gian về nguồn gốc và hoàn cảnh ra đời của đình, nhưng chưa có người cung cấp đầy đủ, kể cả Ban Trị sự hiện tại, bởi quý ông ấy có tuổi đời không quá 80 mà đình thì đã có từ thế kỷ thứ 18. Các ông chỉ được nghe qua lớp người trước kể lại phần nào cùng với trí nhớ của mình : Lúc đầu, đình này được cất lên bằng cây, lá giữa vùng lau sậy hoang vu, dân cư thưa thớt, thuộc thôn Tân Hưng, làng

Vĩnh Lợi, quận Phong Thạnh, nằm cặp ven sông Bạc Liêu, mặt tiền trông ra hướng đông bắc, chiếm một diện tích rộng khoảng năm mươi mẫu. Trước đình có cây sung lớn, cành lá sum suê che mát cho người qua đường. Gần gốc sung có cầu khỉ rồi cầu ván bắc ngang sông (sông này hẹp hơn nhiều so với bây giờ) nối liền sự giao lưu giữa chợ Bạc Liêu với vùng nông thôn. Theo thời gian, chiếc cầu này cũng được sửa sang nâng cấp dần, cầu ấy người ta gọi là cầu Cả Phụng. Dưới sông, nhiều xuồng, ghe chèo ngược xuôi mua bán các mặt hàng nông sản, thủy sản, phần lớn là của họ tự sản xuất ra. Bên cạnh đó là những chiếc ghe cà vòm, ghe chài chở lúa gạo, than củi, cát đá ... neo đậu hoặc di chuyển lừ đừ chậm chạp. Đêm đêm, vọng lại tiếng đàn ca cổ nhạc hòa lẫn trong tiếng rao cháo gà, chèo đàu dưới sông tạo nên một âm thanh sâu lắng làm xốn xang nhức nhối cho những ai đã ly hương hay sẵn có tâm trạng buồn !

Cách hông đình phía tay phải không xa là một con sông, dòng sông đó như 1 con rắn khổng lồ bò ngoằn ngoèo từ sông Bạc Liêu vào trung tâm chợ, ngược lên Cái Dầy rồi đi luôn về Sóc Trăng. Ngày nay, con sông ấy hầu hết bị san lấp, nó chỉ còn lại trong ký ức của người già và một phần trong thực tế. Mật độ dân cư chung quanh đình thưa thớt và nghèo nàn, lạc hậu, sống chật vật hẩm hiu trong những căn nhà lá với các nghề khuôn vác, làm thuê và buôn bán nhỏ. Đó là dân tứ xứ (phần lớn là người từ miệt trên xuống) vì không chịu nổi cảnh áp bức bóc lột của bọn địa chủ phong kiến, nên lần lượt quy tụ về đây tìm kế sinh nhai. Những gia đình sống trong phạm vi đất của mình quản lý, hằng năm phải nộp tiền thuế đất để đình gây quỹ chung.

Sự hiện diện của đình là một chỗ dựa về tinh thần, bao giờ người ta cũng hy vọng và tin tưởng vào sự linh ứng của Thần hoàng, sẽ chở che và hộ

trì cho họ thoát qua khỏi bệnh tật, đói nghèo. Theo thông lệ từ khi có đình, hàng năm hai lần lễ cúng lớn, là lễ Kỳ Yên (tức cầu an) vào ba ngày 20 - 21 - 22 của tháng giêng âm lịch. Các đêm này, thường thì lên Cần Thơ, Sóc Trăng rước gánh hát Tiều, hát bộ về biểu diễn, sân khấu làm ngoài trời để phục vụ dân chúng rộng rãi. Ban ngày thì tổ chức đá gà, cờ bạc. Nhiều người nghèo mà nhào vô bài bạc thì càng nghèo khổ hơn, có khi chơi một giờ, về phải làm mướn cả năm để trả nợ ! Ngày 12 - 13 - 14 tháng bảy là lễ Vu Lan (tức là cúng cô hồn, những người vô danh, xiêu mồ lạc mả). Đình tổ chức thí đàn, giựt đàn và phân phát gạo, muối cho người nghèo (lệ ấy đến nay vẫn còn. Riêng tháng 7 - 2000 này, đình đã phân phát 1.115 kg gạo cho người khó khăn, túng thiếu). Nhân các ngày lễ hội thời đó, có đôi lần Công tử Bạc Liêu (tức Trần Trinh Huy) hay bỏ tiền ra tổ chức các trò chơi có thưởng, trong đó có đấu xảo

sắc đẹp. Bao giờ Ba Huy cũng làm chủ khảo, người điều khiển với đầy đủ quyền uy. Trước đây, những quyền lợi và quyết định mọi việc của đình đều tập trung vào một nhóm người có thế lực, giàu có, như địa chủ, hội đồng làng, tổng sở tại, người dân chỉ biết đóng góp tiền của, lao công phục dịch cho các ngày lễ hội và sửa chữa, tu bổ cho đình.

Theo tài liệu tham khảo của ông Huỳnh Minh trong tập "Bạc Liêu xưa và nay" đến năm 1852, cụ Phan Thanh Giản làm Kinh lược phó sứ Nam kỳ (Kinh lược là Nguyễn Tri Phương) tổng hành dinh đóng tại Long Hồ (Vĩnh Long ngày nay). Cụ Phan là người hết lòng lo cho dân, cho nước, thường kinh lý đó đây, tìm hiểu đời sống và thể thái nhân tình của dân chúng để góp phần an bang tế thế. Một hôm, trên đường xuống Cà Mau, cụ có ghé lại đình Tân Hưng. Qua xem xét đánh giá đã gây cho cụ sự chú ý, cảm tình. Sau khi

nghe các cụ bô lão nói qua lai lịch của đình này, cụ Phan dạy rằng: Ta vừa đến đây nhưng nhận thấy đình tuy là xây cất bằng cây lá thô sơ nhưng có vẻ trang nghiêm, rộng rãi, cần được quan tâm tôn tạo lên cho hàng hoàng hơn, xứng đáng hơn để dân chúng phụng thờ. Vậy quý ông hãy về nhà thu xếp, chuẩn bị khăn gói để tháng sau đến tư dinh, mang sớ của ta ra kinh, cầu xin đức vua ban sắc chỉ tứ phong cho đình, để đáp lại lòng mong muốn của quý ông và bàn dân thiên hạ. Ra về mà lòng các vị bô lão mừng lo lẫn lộn: Mừng là được quan Kinh lược để tâm chiếu cố giúp đỡ, bộ mặt của đình rồi sẽ rạng rỡ hơn, bề thế hơn; lo là lo đường lên kinh đô quan san diệu vợi, gian hiểm biết đâu lường, liệu có đi đến nơi về đến chốn an toàn chăng ? Nhưng lo để mà lo chớ không làm sao cản ngại được quyết tâm của các vị. Sau hơn tám tháng vừa đi bộ vừa đi ghe, vất vả ngày đêm với bao khó khăn, bất trắc trên đường mà các ông

phải chịu đựng và đối phó : Người xa, cảnh lạ, phong thổ bất hòa, với thú dữ bốn chân và lúc nhúc những con thú hai chân hầu như địa phương nào cũng có chực chờ hạc sách, hoành hạ, tống tiền, khác nào thầy trò Tam Tạng đi Đông Độ thỉnh kinh. Dù hoàn cảnh nào, các ông vẫn kiên trì, nhẫn nhục chịu đựng mọi đắng cay để đạt thành sở nguyện. Đây là sắc phong của vua ban.

* Bản phiên âm và dịch nghĩa sắc thần :

Sắc bốn cảnh Thành hoàng chi thần, nguyên tặng Quảng hậu chính trực hựu (hữu) thiện chi thần, hộ quốc tỵ dân, năm (nhâm) trứ (trước) linh ứng.

Tứ kim chi ưng cảnh mệnh, miễn niệm thân hưu, khả gia tặng Quảng hậu chính trực hựu (hữu) thiện đồn ngưng chi thần, nhưng chuẩn Phong Thạnh huyện, Tân Hưng thôn y cựu phụng sự.

Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân khâm tai !

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị

thập cửu nhật.

* Nghĩa:

Sắc ban cho thần Thành hoàng tại bốn cảnh, nguyên được phong tặng trước đây là thần "Quảng hậu chính trực hựu (hữu) thiện". Thần giữ nước, che chở cho nhân dân, nhiều phen biểu lộ chuyện linh ứng.

Trăm nay vâng mệnh trời, lòng luôn tưởng nhớ công đức của thần, nên phong tặng thêm là thần "Quảng hậu chính trực hựu (hữu) thiện đồn ngưng" nhưng vẫn chuẩn y cho dân làng Tân Hưng, huyện Phong Thạnh phụng sự như cũ.

Thần nên tiếp tục giúp đỡ, bảo hộ con dân của trăm.

Hãy kính cẩn thi hành sắc lệnh này.

Ngày 29 tháng 11 (âl) năm Tự Đức thứ năm (Nhâm Tý) nhằm ngày 8 tháng giêng năm 1853 (dl)

Qua nhiều lần sửa đi cất lại, đến đầu năm 1913, một lần nữa, Ban lãnh đạo của đình cử người ra kinh đô, một số khác đi các nơi để học tập và nghiên cứu kiểu mẫu các đình, miếu có sẵn. Sau đó, rước các thợ giỏi về cùng phối hợp với những thợ ở địa phương để xây cất lại đình rộng rãi, khang trang hơn, lợp ngói, vách ván, đã hoàn thành vào tháng 9 năm 1913 (Quý Sửu niên, Cúc nguyệt quý thu) với chiều dài 47,8m, ngang 15,7m, diện tích chung 750m², 46 (gồm cả hậu sở) tọa lạc tại số 241 - đường Hoàng Văn Thụ, phường 3, thị xã Bạc Liêu. (Cũng con đường này, thời thuộc Pháp mang tên Lamode Carier, thời thuộc ngụy Sài Gòn gọi là Trương Vĩnh Ký).

Những bậc tiền hiền có công lớn với đình trong việc trùng tu phát triển ở giai đoạn này là:

Lâm Đắc Thọ

Nguyễn Chánh

Nguyễn Đức Phụng

Có thêm hai vị hội đồng:

Triệu Vạn Tượng

Nguyễn Đức Cầm

Mãi đến năm 1938, thêm một lần tu sửa lớn, rộng, chắc chắn, cao, đẹp hơn, vách ván được thay bằng tường, những công trình điêu khắc, chạm trổ trong khu chánh điện, các khánh thờ, võ quy, võ ca, rất sắc sảo công phu, đến nay vẫn giữ nguyên trạng của nó. Trong chánh điện còn đầy đủ nghi tượng, nhất là sắc thần và một số bảng ghi công khác. Căn cứ vào bản danh sách còn lại (viết bằng Hán tự) ghi công của những người có thành tích ở chặng đường xây dựng và phát triển này là :

- Triệu Vạn An
- Triệu Vạn Tường
- Nguyễn Đức Phụng
- Lâm Đắc Thọ

- Nguyễn Ngọc Chính
- Nguyễn Văn Thành
- Nguyễn Hữu Tố
- Lê Văn Tượng

Cùng nhiều nhà hảo tâm đã đóng góp nhiều tiền, của cho việc tu sửa lại đình, mà đứng đầu là đại diện chủ Trần Trinh Trạch 300 đồng, Trần Trinh Huy 200 đồng Đông Dương ngân hàng (hai số tiền ấy cộng lại quy ra lúa, khoảng 2.000 gạo ở thời bấy giờ).

Hơn sáu mươi năm qua là mấy đổi thay trước những diễn biến phức tạp theo dòng chảy cuộc đời, vì thế mà đình Tân Hưng cũng đổi thay xuống cấp theo một định luật chung ấy. Ban trị sự đình chưa tạo ra được nguồn thu nhập nào đáng kể, cũng chưa động viên được mạnh thường quân nào dang tay ra ngăn chặn sự sa sút của đình này để phục hồi lại tình trạng cũ, giữ cho

hình hài nó mãi mãi tươi đẹp.

Được biết, đầu năm 2000, Bảo tàng tỉnh Bạc Liêu có làm tờ trình và thủ tục gửi Bộ Văn hóa, đề nghị xem xét và công nhận đình Tân Hưng là một di tích văn hóa cấp quốc gia, bởi nó có độ dày lịch sử và là nơi sinh hoạt về tinh thần của bao lớp người ở vùng đất này, đã được chăm sóc và truyền giữ đến nay. Dù sớm muộn gì, yêu cầu chính đáng và hợp lý đó cũng phải được thỏa mãn. Theo tôi, công việc trước mắt là tu bổ, nâng cấp và tổ chức quản lý đình được sạch, đẹp hơn, đó không còn là việc của riêng Ban quản trị nữa, mà Sở Văn hóa Thông tin và Sở Du lịch nên quan tâm hơn về việc phối hợp với các ban, ngành có liên quan của tỉnh và thị xã Bạc Liêu, cùng với ý thức trách nhiệm chung lo và cũng nên có một cách nhìn chính xác hơn về vị trí của nó đã qua và trong hiện tại mà ra sức tạo nên chỗ dừng chân thưởng ngoạn của du khách xa gần, với một xứ sở

quá hiếm hoi về danh lam thắng cảnh này. Nó còn có nghĩa là gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, như tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ năm của Đảng đã chỉ rõ.

Bạc Liêu, ngày 01 tháng 10 năm 2000

Võ An Khánh

Tìm hiểu lịch sử
**TIÊN SỬ
CỔ MIẾU**

TRẦN PHƯỚC THUẬN

Vào khoảng năm 1852, vùng Ba Thắc (Bạc Liêu - Sóc Trăng) có loạn Sana Tia và Sana Sum (tiếng Khmer - Sana có nghĩa là nguyên soái), hai tên này nguyên là người Khmer ở Trà Khương (Sóc Trăng), chúng tập hợp được một số quân kéo đi cướp bóc khắp nơi. Chúng tấn công cả đồn Bãi Xào và vây hãm thị trấn Bạc Liêu. Kế đó ít lâu ở thôn Lạc Hòa (Sóc Trăng) lại có loạn Lâm

Lâm, hấn cũng cầm đầu một toán quân ô hợp đi đến đầu giết người cướp của đến đây.

Lúc đó Nguyễn Tri Phương (1800 - 1873) đang là Tổng đốc của các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên, nhận thấy tình hình bất ổn nên đã đem quân xuống vùng Ba Thắc để tiêu trừ loạn phỉ. Đội quân của ông là đội quân tinh nhuệ, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu nên chỉ trong một thời gian ngắn - không đầy một năm đã dẹp tan quân phỉ loạn.

Trong lúc hành quân diệt địch, bộ chỉ huy quân sự của Nguyễn Tri Phương trú đóng trên một khu đất gò thuộc vùng miếu Tiên sư Bạc Liêu ngày nay. Ở đây lúc bấy giờ có một ngôi miếu nhỏ thờ Tam giáo Tổ sư được làm bằng cây lá rừng, ngôi miếu không có bảng hiệu - cũng như nhiều ngôi miếu nhỏ khác, được người dân ở đây gọi bằng nhiều tên khác nhau : Miếu Tiên Sư, miếu Tổ Sư, miếu Thầy.

Sau thời gian binh biến, ngôi miếu bị hư hao gần như toàn bộ, nên trước khi rút quân về, Nguyễn Tri Phương đã ra lệnh cho quân lính dùng cây lá và một số vật liệu nhà binh để xây dựng lại. Ngôi miếu mới tuy cũng đơn sơ nhưng lớn gấp đôi miếu cũ và có một điều đặc biệt là Nguyễn Tri Phương tự tay viết bằng hiệu. Đây là bằng hiệu đầu tiên mang tên TIÊN SƯ MIẾU (được viết bằng chữ Hán). Ông còn nhắc nhở người địa phương nên dùng ngôi miếu này tiếp tục thờ những người có công khai khẩn đất hoang, xây dựng làng xã và những chiến sĩ vì nước bỏ mình.

Lời dặn bảo này đã trở thành truyền thống thờ phụng ở miếu Tiên Sư, nên từ trước đến nay ngoài Nguyễn Tri Phương còn có một số người có công xây dựng làng xã ở Bạc Liêu được thờ như : Phan Thanh Giản, Cao Minh Thạnh, Nguyễn Tấn Phát, Triệu Vạn Tượng, Lý Hữu Hoan, Phan Kim Lý, Trịnh Thiện Kim, Cao Tấn Hưng, Trịnh

Thành Long... và 20 chiến sĩ chống Pháp đã anh dũng hy sinh, trong đó có 7 người bị Pháp xử bắn tại sân miếu.

Năm 1853, Nguyễn Tri Phương được phong làm Kinh lược sứ Nam kỳ. Từ đó về sau ông đã tổ chức khai phá đất hoang thành lập thôn ấp ở nhiều nơi. Khoảng năm 1855, ông đã đem một số lưu dân người Việt vào Bạc Liêu khai khẩn đất hoang lập nhiều thôn làng ở đây như : Vĩnh Lợi, Vĩnh Mỹ, Phong Thạnh, Vĩnh Trạch... Nguyễn Tri Phương cũng rất chú trọng về mặt mở mang dân trí. Nhận thấy ở đây người Việt càng ngày càng đông cần phải có một nơi để học hành nên ông đã ra lệnh cho các chức sắc địa phương mở rộng diện tích của miếu Tiên Sư bằng cách cất thêm tiền sảnh và hai chái hai bên để làm nơi dạy học. Đây tuy không phải là ngôi trường chính thống được hợp pháp hóa của nhà nước, nhưng được thành lập theo ý kiến của quan Kinh lược nên các giới chức làng, tổng ở Bạc Liêu rất quan

tâm, nhiều thầy đồ ở các nơi được mời về giảng dạy. Lúc ấy ở Bạc Liêu cũng đã có một vài nơi dạy học, nhưng chỉ dạy tiếng Triều Châu. Vì vậy có thể nói miếu Tiên Sư là nơi duy nhất dạy chữ Nho (chữ Hán âm Việt) ở Bạc Liêu và sau đó đã trở thành điểm dạy chữ Việt đầu tiên ở đây.

Đến năm Tân Sửu (1901), ban bảo trợ miếu đã đứng ra vận động bá tánh để thành lập ban tế tự, kết quả ông Cao Minh Thạnh (1860 - 1919) được bầu làm trưởng ban. Ông Thạnh là người cố cựu ở Bạc Liêu, có nhiều kinh nghiệm về lãnh đạo và có ý tưởng canh tân, nên khi vừa tiếp nhận nhiệm vụ, ông đã đứng ra vận động bà con khu phố quyên góp tiền bạc để xây dựng một ngôi miếu bằng gạch ngói thay cho ngôi miếu nóc lá, cây rừng đã hư cũ. Sau khi ngôi miếu mới được hoàn thành, nhận thấy bề ngoài khá đồ sộ nên ông Cao Minh Thạnh đã đề nghị đổi tên TIÊN SƯ MIẾU thành TIÊN SƯ CỔ PHỦ cho thích hợp hơn.

Đến năm 1964, ông Trần Vinh lại đề nghị nên dùng tên cũ - cái tên mà ông Nguyễn Tri Phương đã đặt ra nhưng ngôi miếu đến nay cũng lâu năm nên vẫn giữ lại từ "Cổ"; do đó ngôi miếu này từ đó mang tên Tiên Sư Cổ Miếu.

Như vậy, tính đến nay ngôi miếu đã ba lần thay tên gọi. Tính từ đời ông Cao Minh Thạnh đến nay cũng đã thay đổi sáu lần trưởng ban. Đặc biệt người trưởng ban đời thứ sáu hiện nay - ông Cao Triều Mẫn lại là cháu nội của ông Cao Minh Thạnh.

Gần đây, Tiên Sư Cổ Miếu lại được trùng tu. Công lớn này ngoài sự vận động của những mạnh thường quân trong tỉnh, còn phải kể đến ông Mã Tính, một Việt kiều ở Mỹ người gốc Bạc Liêu đứng ra quyên góp tiền người đồng hương trùng tu ngôi cổ miếu nhân dịp ông về thăm quê hương 1995. Sau khi trùng tu, Tiên Sư Cổ Miếu lại được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp Quyết định "bảo vệ di tích lịch sử văn hóa" số :

877/QĐ - UB ngày 15/9/1997, cùng lúc với ba ngôi đình miếu khác.

Đây là ngôi cổ miếu không những có quan hệ mật thiết với những sự kiện lịch sử quan trọng trong quá trình hình thành làng xã ở Bạc Liêu, mà còn là một chiến tích của người anh hùng Nguyễn Tri Phương qua việc tiêu trừ quân phiến loạn và đẩy lùi giặc đốt - những việc làm có ý nghĩa lớn trong lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ; nay được công nhận là một di tích lịch sử văn hóa, thật đúng với vị trí và thích hợp với vai trò của một ngôi miếu đã tồn tại ở Bạc Liêu hơn 150 năm nay.

Chùa Bang Bạc Liêu

TRẦN PHƯỚC THUẬN

Chùa Bang có tên thật là Phước Đức Cổ Miếu, hiện tọa lạc tại phường 3, thị xã Bạc Liêu, là một trong các ngôi miếu lâu đời nhất ở Bạc Liêu, đã được người dân ở đây xây dựng hoàn tất vào cuối năm Giáp Thân - 1824. Đây là một công trình kiến trúc khá đồ sộ đối với thời bấy giờ, được xây dựng theo hình chữ Quốc (...) một lối kiến trúc cung đình triều Minh, ngôi miếu có

diện tích khiêm tốn (29m x 20m) nhưng các chi tiết phân phối bên trong đều đầy đủ như một ngôi miếu lớn, từ ngoài bước vào cũng có môn đình, tiền thính, đến nữa là thiên tỉnh, giữa thiên tỉnh có lối đi vào bái đình và trong cùng là đại đường nơi đặt bệ thờ Bốn Đầu Công. Theo tín ngưỡng dân gian của người Hoa, Bốn Đầu Công nguyên là Phước Đức Chính Thần, vì vậy mọi người đều thống nhất dùng tên hiện nay đặt cho ngôi miếu mới, nên kể từ đó ngôi miếu được mang tên Phước Đức Cổ Miếu. Mới đây đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật do Quyết định số 30/2000/QĐ/VHTT ngày 24 tháng 11 năm 2000 (một trong 3 di tích kiến trúc nghệ thuật của tỉnh Bạc Liêu).

Từ khi ra đời, Phước Đức Cổ Miếu đã gắn chặt với các hoạt động tín ngưỡng của người Hoa, nhất là từ khi ở đây có mở lớp dạy tiếng Hoa. Lớp học này hình thành từ năm 1826, được bố trí ở

tây lang của ngôi miếu; tuy là một lớp học nhỏ nhưng nó chính là tổ chức tiền thân của trường Tân Huê sau này.

Đến đầu năm 1882, Phước Đức Cổ Miếu được trùng tu lần thứ nhất, nhưng công trình vừa thi công chẳng được bao lâu gặp phải một trở ngại lớn. Đó là vào ngày 18/12/1882, Thống đốc Nam kỳ Le Myrede Villers đã ký nghị định tách một phần đất của hạt Sóc Trăng và hạt Rạch Giá để thành lập hạt Bạc Liêu. Lamothe De Carrier được cử làm Chánh tham biện. Nhưng, Carrier cũng như các quan chức người Pháp khác vốn không mấy có thiện cảm với các hoạt động tín ngưỡng dân gian ở các am miếu lúc bấy giờ; lại thêm các hoạt động của Thiên Địa Hội ở Bạc Liêu càng ngày càng mạnh - đình miếu thường là nơi để hội họp hoặc tuyên truyền; vì vậy các đình miếu lúc ấy bị theo dõi gắt gao, lại có lệnh cấm tụ tập nhất là ở các đình miếu. Và lại, trong lúc này

chánh quyền Pháp phải quy tụ dân công để thực hiện các công trình lớn như : Xây dựng cầu đường, cống rãnh, dinh thự, phòng sở... cho phù hợp với bề mặt của một đơn vị cấp tỉnh (hạt). Bởi 3 lý do đó nên công trình trùng tu Phước Đức Cổ Miếu phải dừng lại nửa chừng. Mãi đến ba năm sau (1885) guồng máy nhà nước Pháp ở đây đã vững mạnh và tình hình tạm thời yên ổn, nên chương trình trùng tu mới được tiếp tục thực hiện và cuối năm đó công trình mới được hoàn tất. Lần trùng tu này chủ yếu sửa chữa lại những chỗ hư hao sút mẻ, mục đích chỉ phục hồi nguyên trạng nên ngôi miếu sau khi trùng tu cũng có hình dạng giống như ngôi miếu cũ.

Vào những năm đầu thế kỷ XX, số lượng người Hoa ở Bạc Liêu rất đông, có khoảng trên 10.000 người, người Triều Châu có khoảng 8/10 trong số ấy, nhưng số đăng ký chính thức chẳng được bao nhiêu nên chính quyền Pháp ở đây đã

nghĩ ra một cách là lập bang hội người Hoa - mỗi tộc người Hoa là một bang hội. Lập bang hội cũng vốn là truyền thống của người Hoa đã có từ xưa, nên việc lập bang hội người Hoa theo chủ trương của Pháp được tiến hành rất dễ dàng. Lúc bấy giờ ở Bạc Liêu có 3 bang tuần tự ra đời đó là : bang Triều Châu, bang Quảng Đông và bang Phúc Kiến; mỗi bang có trụ sở riêng.

Nhiệm vụ chính của mỗi bang là quy tụ người vào tổ chức để dễ dàng thực hiện các công tác tương tế cứu trợ khi hữu sự như các trường hợp : Quan, hôn, tang, tế trong hội viên hoặc thực hiện các công tác từ thiện xã hội khác. Nhiệm vụ thứ hai của mỗi bang là hợp thức hóa người sống "chui" không đăng ký hộ khẩu. Nhiệm vụ thứ ba là thu thuế thân và các loại thuế khác do nhà nước Pháp quy định.

Riêng bang Triều Châu được thành lập năm 1903, trụ sở đặt tại Phước Đức Cổ Miếu, trong

một phòng rộng ở cạnh tây lang. Người đứng đầu bang là bang trưởng thường được gọi là "Ông Bang", kế đó là 12 trưởng lão thường được gọi là "Ông Lão", trong một vài nhiệm kỳ đặc biệt có thêm chức vụ phó bang trưởng.

Bang Triều Châu ở Bạc Liêu có tất cả 15 nhiệm kỳ, gồm các đời bang trưởng (15 người) kể từ năm 1903 đến 1956.

Năm 1956, Ngô Đình Diệm (lúc đó vừa truất phế Bảo Đại lên làm Tổng thống) đã ký lệnh cho phép kiều bào người Hoa nhập tịch Việt Nam. Kể từ đó toàn bộ người Hoa kể cả các tộc Quảng, Triều, Phúc Kiến, Hẹ, Hải Nam... đang cư trú ở miền Nam đều có Việt tịch, được hưởng mọi quyền lợi công dân và phải thực hiện mọi nghĩa vụ công dân như người Việt Nam, nên bang Triều Châu cùng các bang người Hoa khác đã chính thức giải tán kể từ năm đó.

Theo thói quen của người Hoa, những nơi

thờ cúng công cộng đều được gọi là chùa (tự), Phước Đức Cổ Miếu cũng không ngoại lệ. Vả lại, nơi đây được chọn làm trụ sở của bang Triều Châu trong một thời gian dài nên được người Triều Châu ở Bạc Liêu gọi là "chùa Ông Bang", lâu dần gọi tắt thành "Chùa Bang" và được sử dụng đến ngày nay.

XIÊM CÁN

Một ngôi chùa đẹp nhất vùng

Bút ký kỷ niệm một chuyến đi du lịch

HỒ NHẬT NAM

Sáng ngày rằm tháng bảy đẹp trời. Nhân - cô gái ở vùng nhân quen thân đưa tôi đi tham quan chùa Xiêm Cán, ngôi chùa lớn nhất, đẹp nhất vùng này. Chùa xây dựng hồi thế kỷ 19.

Nhân điều khiển chiếc xe Dream lao lách, phóng đi thành thạo trên giồng đất cát - giồng đất đã tạo nên, kết nối vườn liền vườn thành

rừng nhãn ngút ngàn, như bước chân khổng lồ, rải dài đánh dấu những thế kỷ đi qua.

Ngồi sau lưng Nhãn, tôi luôn được hưởng hương thơm thoang thoảng. Mùi thơm của bông trái pha trộn hương thơm toát ra từ mái tóc của Nhãn, mái tóc lất phất, bay bay như đờ gặt cho tôi khỏi những hạt cát tấn công.

Dừng xe, Nhãn và tôi bước xuống, ngắm nhìn cổng chùa. Cổng tam quan chùa Xiêm Cán - Wat Kôm Phi Sakor Prêk Chru của dân tộc Khmer nằm trên giồng đất cát rừng nhãn, thuộc ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, TX Bạc Liêu, cách trung tâm TX Bạc Liêu 12 cây số, theo con đường tráng nhựa về hướng đông nam.

Thuở xưa, đầu tiên đặt chân lên vùng đất này có lẽ là tộc người Khmer, nên nó có cái tên gắn chặt với địa lý là "Phnô Mót Sa Mút", nghĩa là "giồng ven biển", kế tiếp gọi là "Prêk - Chru", nghĩa là "sông sâu". Về sau, có thêm người Hoa,

người Việt đến sinh cơ lập nghiệp, người Hoa gọi là "Xiêm Cán". Hai tiếng "Xiêm Cán" trở thành địa danh đến nay.

Về lịch sử, chùa được ghi nhận :

Tháng 4 năm 1887 (theo Phật lịch là năm 2430), chùa được khởi công xây dựng và mang tên " Wat Kom Phi Sakor Prék Chru". Người khởi xướng và trụ trì xây dựng là vị hòa thượng Thạch Nam.

Thuở ấy, vùng đất này nhiều hoang hóa, rừng rậm, thú dữ và dân cư thưa thớt. Giồng đất cát ven biển, nay là giồng nhãn, nơi chùa Xiêm Cán tọa lạc, hằng ngày soi bóng biển Đông.

Vào năm Thìn 1909 - Kỷ Dậu, một trận bão dữ dội đã phá hủy hoàn toàn khu chính điện; vị hòa thượng Thạch Nam cùng các sư sãi và tín đồ phật tử phải ra sức góp công, góp của xây dựng lại chính điện lần thứ hai bằng vật liệu gỗ quý.

28 năm trụ trì chùa Xiêm Cán, vị hòa thượng Thạch Nam đã viên tịch vào ngày 7 tháng 9 năm Tuất 1915 - Ất Mão. Từ ấy đến nay đã qua thêm 7 đời trụ trì và chùa có nhiều lần trùng tu, tôn tạo.

Cổng chùa đồ sộ, có ba đường vào, màu sắc hoa văn rực rỡ, đối mặt với biển Đông. Chân tường xây hình bán nguyệt, như đôi tay nàng vũ nữ, đầu đội mũ trong điệu múa cung đình, duyên dáng đón chào quý thí chủ. Trên chót vót của đầu cổng đều có những chỏm nhọn ba cấp, tượng trưng tam bảo - Phật, Pháp, Tăng. Trên đầu tường có hai thần chầu đứng canh giữ, gạn lọc, xua đuổi những tâm địa tà dâm, ác quỷ trước khi vào đất Phật.

Vừa qua khỏi cổng là bước vào bóng mát của hai cây cổ thụ đứng vững che chở cho đời, rồi theo con đường tráng nhựa, hai bên hai hàng cây sao thẳng tắp như tiếp rước du khách vào tham quan.

Nhân và tôi hòa trong dòng người đi dự lễ "Thọ giới" - ngày rằm tháng bảy; len xen có nhiều xe hai bánh, bốn bánh mang biển số ngoài tỉnh.

Chùa Xiêm Cán đúng là một ngôi chùa đẹp, có nhiều công trình kiến trúc đặc sắc, được xây dựng trên diện tích rộng gần 50.000m². Các mảng phù điêu, màu sắc hoa văn, đường nét chạm trổ cong lượn ở các công trình kiến trúc lớn nhỏ khác nhau, nhưng thể hiện đầy đủ, đậm nét đặc trưng cho một di tích văn hóa của dân tộc Khmer.

Chùa Xiêm Cán nằm giữa nổi bật bởi sự bao bọc chung quanh một mảng màu xanh của rừng cây trái sum suê và tràn đầy gió biển. Có những cây dừa cao chọc trời và nhiều gốc nhãn, cây xoài gần suốt trăm năm đã cống hiến cho đời bao nhiêu là vị ngọt.

Đến đây, trước cảnh sắc thiên nhiên và môi trường sinh thái tốt đẹp, do bàn tay cần cù, sáng

tạo qua bao đời người lao động vun đắp, tạo nên làm cho tâm hồn người đi "hái lộc" thật là thư thái, thú vị !

Nhân hướng dẫn tôi đến khu chính điện nơi thờ Phật Thích Ca, để tín đồ đến cầu nguyện.

Tòa chính điện lộng lẫy, uy nghiêm, xây trên nền cao hơn hai thước, thành ba cấp, có hành lang (chơn trêl) bao quanh. Mặt chính điện quay về hướng đông. Theo quan niệm của dân tộc Khmer là Phật ở hướng tây quay sang hướng đông để ban phước. Trước cửa chính điện, trên bậc hai, một làng cây sứ bông luôn nở trắng một màu thanh bạch và tinh khiết. Xung quanh đầu tường, đỡ mái che bằng các tượng "tiên nữ hình chim" (Tiếp pro Nam), "chim thần" (ga - ru - đa) và "vũ nữ chim" (Kây - No) trông thật đẹp mắt. Trên mái chính điện luôn có hai mái che so le nhau. Ở các đầu hồi đều có hình tượng con rồng uốn lượn, tất cả tạo nên nét mềm mại, hài hòa,

duyên dáng. Giữa nóc chính điện, một hình tháp vuông vát góc, năm tầng cao vút; trên đỉnh tháp một chỏm nhọn có ba lớp tròn tượng trưng "tam bảo".

Bước vào trong chính điện, trên bệ cao giữa trung tâm Phật điện là tượng Phật Thích Ca lớn nhất, choàng áo cà sa màu vàng, kiểu phương nam, tư thế ngồi trên tòa sen ba lớp hình bán nguyệt. Phật Thích Ca có vầng trán rộng, hai lỗ tai dài gần chấm vai, mắt nhìn thẳng, tượng trưng cho trí tuệ, quyền pháp và sự vĩnh hằng cao cả, vị tha phổ độ.

Ba mặt tường và trên trần của chính điện phủ kín các bức tranh nhằm tái hiện cuộc đời Đức Phật, từ lúc sinh ra đến khi vào cõi niết bàn. Ngoài ra, có nhiều tranh cổ tích dân gian, tích truyện anh hùng Ca Riêm - Kê và những bức tranh với nội dung khuyến thiện, răn ác và bánh xe luân hồi.

Đập mạnh vào mắt tôi là bức tranh "Tiên nữ Áp - Xa - Ra" duyên dáng, tươi đẹp, uyển chuyển, nhảy múa, bay lượn trên cõi trần. Hình ảnh "Áp - Xa - Ra" là đại diện cho phái thiện. Sắc đẹp của "Áp - Xa - Ra" để thử thách sự cám dỗ đối với các vị chân tu.

Đối diện chính diện là cột trụ biểu, bao quanh làm nền là hình tượng những con rắn 5 đầu. Theo Phật thoại, khi ma vương gây giông tố, rắn thần Na - Ga giương đầu làm tán che để cho Phật yên ổn tu hành. Các đuôi rắn kết lại cuộn thành cột trụ vững chắc giương cao gần 10m. Hình tượng này nói lên đức độ cao quý của Phật Thích Ca đã cảm hóa được cả loài rắn độc. Phía dưới là những con Reach - Cha Sci, đầu rồng, mình sư tử, chân voi, vuốt cọp, đứng quay về sáu hướng, biểu hiện sự uy nghi hùng tráng.

Phía tây bắc chính diện là công trình "Sa - La" - phước xá, nơi làm lễ và thuyết pháp. Phần

trên trước mặt của Sa La, có nhóm tượng tái hiện lúc Phật Thích Ca chưa đắc đạo, ngài và Sa Nặc ngồi trên lưng con bạch mã, rời khỏi hoàng cung đi tu, bị chần cản ngăn, nhưng không thắng nổi quyết chí của ngài.

Mái của Sa La lợp kiểu "chim sà cánh bay"; hai mái hình "mũ chữ ô" nối liền nhau trông thật lạ mắt. Ở các đầu cột phía ngoài đều có tượng "tiên nữ Kây - No", và nhiều màu sắc rực rỡ của hoa quỳ, cành lá Phnhi Vo Phnhi Les...

Bên trong của Sa La cũng có bệ cao thờ Phật, được bố trí, trang trí rất tôn nghiêm. Đặc biệt, ở hai hàng cột được đắp nổi bằng những họa tiết đặc sắc, trông như những con rồng cuộn mình cúi đầu phủ phục cùng Phật tử nghe kinh.

Nằm bên phải của Sa La là trường học giáo lý, học chữ dân tộc. Trường được bố trí ở bên phải - phía nam, là phía của trí tuệ bất nhã - suy nghĩ tốt, làm việc tốt, nuôi chí khí tốt, cần cù chăm chỉ

tốt, ý thức, thức tỉnh tốt, thiên định, tu tâm tốt.

Ở hai bên và phía sau của chính điện có rất nhiều ngôi tháp dựng "Xá lị", nơi gởi nắm xương tàn vào đất Phật, để thoát khỏi luân hồi đau khổ, tránh sự giày vò của ma quỷ...

Tất cả các công trình trên được bao bọc, ẩn núp dưới những tán cây cổ thụ : thốt nốt, sao, dầu, xoài, nhãn... đặc biệt là tán cây bồ đề sum suê, tỏa mát nằm gần tháp của hòa thượng Thạch Nam, vị trụ trì đầu tiên của ngôi chùa. Những đường nét cong lượn của bộ rễ cây bồ đề, đã nói lên tuổi thọ của nó xấp xỉ với tuổi thọ của ngôi chùa và nó cũng cho tôi cảm nhận như những đuôi con rồng trong Phật thoại. Rồng (Niek) là con vật linh thiêng, tự nó biến thành chiếc thuyền đưa Phật Thích Ca vượt biển, tới các nơi giảng kinh, thuyết pháp, cứu độ chúng sinh.

Do có công quả như vậy, người Khmer đưa hình tượng rồng vào chùa, ý cầu mong Phật dùng

lại để cứu vớt họ khỏi cảnh trầm luân.

Với ý nghĩ đó, rồng được cách điệu hóa trong nghệ thuật điêu khắc, nghệ thuật kiến trúc ở các cây cột. Đặc biệt, ở phần cuối của mái che chính điện và Xa - La luôn có đuôi rồng trơn rất dài, uốn lượn mềm mại biểu hiện tính chất động của rồng, lừng lờ như mái chèo trên sông nước.

Tôi đang say mê ngắm nhìn các công trình kiến trúc, Nhân kéo tôi xoay qua và chỉ trên các lùm cây dầu, cây sao. Thì ra là chim. Khá nhiều chim, nhưng duy nhất chỉ có loài cò trắng và vạc. Nhiều ổ chim núp ẩn trong cành lá, tưởng chừng loại cây có trái. Đám chim con líu ríu ngóng cổ, há miệng xin mẹ cho mồi. Hình ảnh này đang thu hút các ống kính máy ảnh, ca - mê - ra của khách du lịch.

Nhân kể cho tôi nghe, có lần mưa dông dữ dội, một số chú chim con bị gió hất rơi xuống, chim mẹ đảo lượn, hốt hoảng kêu cầu cứu, một

nhà sư trong chùa dầm mưa chạy ra mang chúng vào hơ, úm và sau đó tìm cách trả chúng về chỗ cũ.

Qua câu chuyện kể, Nhãn nhìn tôi bằng đôi mắt long lanh, không chớp, miệng chum chim cười :

- Anh thấy ở đây có tình không ?

- Thật là có tình ! Tình người với người. Tình đạo với đạo. Tình người với thiên nhiên.

Chắc tôi trả lời đúng ý, Nhãn cười, miệng thật có duyên và đối đáp với tôi khá hóm hỉnh, mà ý đẹp.

- Chính vì thế, mà dòng họ nhà cò và vạc độc quyền cư trú ở đây qua biết bao thế hệ. Hằng năm, trên mảnh đất Phật này đã tung lên bầu trời bao nhiêu "cô", "chú" chim trẻ, khi chúng đủ lông, đủ cánh.

Nhãn ngược nhìn trên tán cây thốt nốt, một con cò trắng vỗ cánh bay đi. Mắt Nhãn thoáng

hiện buồn buồn, nói tiếp với giọng êm êm như ẩn chứa hờn trách ai :

- Anh biết không, có những con bay đi rồi, không trở lại... ?

Tôi nhìn Nhân. Nhân nhìn tôi. Chắc Nhân thấu hiểu tôi đang chia sẻ nỗi lòng của Nhân. Chúng tôi chưa kịp nói gì với nhau, tiếng nhạc ngũ âm vang lên, giai điệu, tiết tấu của nó thật sôi nổi, rộn ràng, tươi vui kéo chúng tôi về thực tại. Vùng đất Phật ngập tràn không khí vừa tôn nghiêm, vừa vui vẻ. Kẻ lên người xuống, kẻ ra người vào liên tục ở chính điện, Xa - La. Từng tốp, từng tốp người dắt nhau đi dạo chơi, chụp ảnh lưu niệm bên các gốc cây cổ thụ, trước chính điện, trước cổng chùa, bên cột trụ biểu và chỗ có dàn nhạc ngũ âm cùng tốp hát múa Ayay, um - tuk...

Nhân và tôi bước qua sáu bậc thang, lên sân gỗ của nhà "thọ trai", nơi tiếp xúc giữa sư sãi với dân trong những ngày lễ hội. Trong nhà, có

nhiều hiện vật, hình ảnh lưu niệm của khách du lịch.

May mắn, chúng tôi được gặp đại đức Dương Quân, vị trụ trì đời thứ tám, còn có cả hai ông Thái Thuận Xuôi và Dương Tha, nguyên phó đại đức, phó đại nhị chùa này, nay đã hoàn tục, lập gia đình. Qua chào hỏi, giới thiệu, tôi mới biết Nhân khá thành thạo tiếng Khmer. Phần đông người dân ở đây nói được ba thứ tiếng : Kinh, Khmer, Hoa vì ba dân tộc cùng sinh sống, lao động gần bó nhau qua nhiều thế hệ.

Trong hai cuộc kháng chiến, chùa Xiêm Cán là nơi nương tựa của thanh niên chống bắt lính, là nơi nuôi giấu cán bộ cách mạng. Từ năm 1962 đến 1973, nổ ra nhiều cuộc biểu tình của sư sãi, tín đồ đòi tự do tu hành, tôn trọng Phật pháp, tự do đi lại làm ăn và chống bắt lính.

Năm 1971, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của phó đại đức Thái Thuận Xuôi, thanh niên tín đồ

xông vào cướp lấy thùng phiếu bầu Thượng - Hạ viện của chính quyền ngụy Sài Gòn tại chùa Ông Bốn, làm cuộc bỏ phiếu của địch hoàn toàn thất bại. Và, cuộc biểu tình lớn nhất, tập trung nhiều chùa, đi đầu là các sư sãi, tín đồ khu vực chùa Xiêm Cán gặp trực tiếp tên Điệp, Tỉnh trưởng Bạc Liêu vào ngày 3/4/1973, đấu tranh vạch mặt kẻ sát hại đại đức Sơn Thal ở chùa Prây - Chốp. Địch trưng các băng - đơ - nôl vu khống cách mạng giết đại đức Sơn Thal, bị sư sãi, tín đồ tràn tới giựt xé, chà giẫm tiêu tan.

Sau cuộc biểu tình này, địch tiếp tục mưu sát đại đức Thạch Phươl, vị trụ trì đời thứ năm của chùa Xiêm Cán, là người dẫn đầu cuộc đấu tranh ngày 3/4/1973, nhưng chúng cũng bị thất bại hoàn toàn.

Trong hai cuộc trường chiến, các chùa chiền, thánh thất nằm trong vùng kèm của giặc, chẳng những là nơi trung tâm sinh hoạt văn hóa

tâm linh, văn hóa nghệ thuật, còn là nơi nuôi chứa cán bộ cách mạng, là một trong những trung tâm tập hợp lực lượng đấu tranh chính trị, dưới nhiều màu sắc khác nhau.

Tôi thật thích thú với những hiện vật có giá trị lịch sử mà nhà chùa còn lưu giữ. Lạ mắt đối với tôi là hai bộ sách chữ Khmer cổ (Pali). Một bộ viết trên lá cây có tên là "Slác - rít", dày 70 trang, khổ ngang 5 phân, dài 2 tấc, nó tương tự những bộ sách viết trên các thỏi tre của các triều đại xa xưa của Trung Quốc, một bộ viết trên giấy xốp, khổ 12 x 36, dày trên trăm trang.

Viết trên lá cây "Slác - rít" bằng loại gì, đến nay chữ còn rõ mồn một và nội dung hai quyển sách nói gì, tôi không có thời gian tìm hiểu, xin nhường lại cho các nhà du lịch và các nhà khảo cổ học.

Đại đức Dương Quân cho tôi biết, đồng bào ở đây cùng chung phong tục tập quán với đồng bào

Khmer trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, hằng năm có trên một chục loại lễ hội định kỳ và không định kỳ. Trong các lễ hội, có bốn lễ hội theo truyền thống dân tộc lớn nhất đó là :

Lễ "Phi - Thi - Chol Chnam Thmây" - lễ vào năm mới (lễ chịu tuổi) - ngày 13 tháng 4 dl, kéo dài ba ngày.

Ngày đầu của năm mới, gọi là "Chol - Sang - Kran - Thmây". Các tín đồ tập trung vào chùa làm lễ rước lịch "ma - ha - sang kran", đi vòng quanh chính điện ba lần.

Ngày thứ hai, gọi là "Won - Bót", làm lễ dâng cơm cho các vị sư sãi. Các tín đồ mang cơm tập trung lại. Trước khi ăn, các nhà sư tụng kinh, làm lễ tạ ơn những người làm ra vật thực; ăn xong, tụng kinh chúc phúc cho thí chủ.

Ngày thứ ba "lễ tắm sư" (Lơ - Săk). Trước hết là tắm tượng Phật, sau đó tắm các vị sư cao

niên. Nước tắm được ướp vật có hương thơm.

Lễ lớn thứ hai, lễ "cúng ông bà" (Phi - thi pen don ta), được tổ chức ba ngày, từ 29 tháng 8 đến mồng một tháng 9 âl, nhằm tụng kinh cầu siêu, cầu phước cho linh hồn thân nhân quá vãng...

Theo phong tục tập quán của dân tộc, người Khmer không có ngày giỗ kỵ hằng năm cho người chết. Nhưng 100 năm trở lại đây, đồng bào Khmer Bạc Liêu ngoài việc tập trung đến chùa làm lễ Phi thi pen don ta (lễ cúng ông bà), còn tổ chức cúng cơm hằng năm tại gia cho người quá cố đúng vào ngày từ trần.

Lễ lớn thứ ba, lễ "cúng trăng" Ok om bok, trong một ngày, vào đêm rằm tháng 10 âl, nhằm tưởng nhớ và tạ ơn mặt trăng. Người Khmer coi mặt trăng là vị thần điều động mùa màng trong năm. Thức cúng chính là cơm dẹp.

Lễ lớn thứ tư, là hội lễ "Đua ghe ngo", diễn

ra tung bùng náo nhiệt, được tiến hành sáng hoặc chiều đúng vào ngày rằm tháng 10 âm, trước khi vào lễ "cúng trăng". Có cuộc đua đông đến 30-40 chiếc, nhiều chùa, nhiều tỉnh tham gia; mỗi chiếc từ 43 đến 52 quân bơi.

Dua ghe ngo với ý nghĩa cảm ơn trời và đất đã ban ân huệ cho người; đồng thời, cũng để xin lỗi vì con người đã làm nhơ bẩn đất trời; ngoài ra còn để biểu dương tinh thần thượng võ cho người xem, thưởng thức cái đẹp, sự khỏe mạnh hào hùng, tài nghệ tuyệt vời của các quân bơi, chèo trên sông nước mênh mông.

Trong năm, còn các lễ hội định kỳ khác như : "nhập hạ", kéo dài từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 15 tháng 9 âm lịch; lễ "xuất hạ", từ chiều ngày 14 tháng 9 đến trưa ngày 15 tháng 9 âm lịch; lễ "Dâng y cà sa", tiến hành từ một đến hai ngày, được chọn trong thời gian từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 10 âm lịch.v.v...

Các lễ hội trên diễn ra sôi nổi, phong phú, hấp dẫn nhiều hay ít, là do điều kiện thiên nhiên, đời sống kinh tế, trình độ dân trí và trình độ tổ chức, khả năng điều hành của Ban quản trị và vị trụ trì nơi ấy quyết định.

Ngồi nghe hai ông Thái Thuận Xuôi và Dương Tha kể chuyện đạo, chuyện đời. Có một chuyện tôi nghe vô cùng thương tâm mà thán phục. Đó là câu chuyện "Đôi nhân tình trong thời kỳ ly loạn". Vì lý do nào đó hai ông không nói tên.

Đầu kháng chiến chống Pháp, có cặp tình nhân chỉ chờ ngày làm lễ thành hôn, nhưng vì địch ráo riết bắt lính, để khỏi làm bia đỡ đạn cho giặc, chàng thanh niên vào chùa tu, chờ sóng gió qua đi, hoàn tục để vun đắp hạnh phúc lứa đôi. Thỉnh thoảng cô gái mang cơm vào chùa để gặp người mình đang gởi gắm.

Chiến tranh không dừng lại, luôn nối tiếp chuyên tay từ Pháp sang Mỹ, càng ác liệt. Chàng

thanh niên tu đạt đến bậc tì khưu, rồi phò đại đức. Là nhờ sư có lòng yêu quê hương, yêu tổ quốc, yêu đạo nồng nhiệt, trình độ giáo lý khá uyên bác, có uy tín cao. Vì yêu cầu của cách mạng và Phật giáo, nhà sư được điều sang một chùa khác, có vị trí quan trọng nằm sát yết hầu của địch. Ở đây nhà sư tu đạt đến bậc đại đức, rồi được phong bậc cao là hòa thượng.

Thời gian qua đi, thời gian hằn lên áo cà sa, thời gian chồng chất lên mái đầu xanh. Chiều chiều, người con gái ấy thường đứng lặng người bên gốc nhãn, nơi hẹn hò chàng trai đến đón cô cùng nhau đi dự các lễ hội và trao cho nhau những trái nhãn "chu hút", "xu bít" ngọt lịm. Cô cầu mong, trông đợi, không nản lòng.

Hòa cùng dòng thác cách mạng của dân tộc, với chức vị mới, vị trí mới, vị hòa thượng của xứ nhãn không ngừng tập hợp lực lượng sư sãi, tín đồ liên tục đấu tranh, góp phần bẻ gãy âm mưu

sâu độc của kẻ thù lợi dụng phật giáo chống phá cách mạng.

Bọn giặc không bao giờ buông tha cho bất cứ những ai có lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu đời mến đạo. Chúng hèn hạ bắt cóc và thủ tiêu vị hòa thượng ở xứ nhơn, đã thổi bùng thêm ngọn lửa căm thù trong lòng đồng bào giáo cũng như hương.

Và sau đó không lâu, người con gái quê nhà cũng qua đời, cô trút hơi thở cuối cùng bên gốc nhơn - nơi bao kỷ niệm của mối tình đầu. Cô ra đi với tư thế ngời, lưng tựa vào gốc nhơn, mặt hướng về nơi xa xăm, tay nắm chặt mấy trái nhơn "xu - bít" cô đơn.

Trên đường trở về nhà, bóng dáng vị hòa thượng chân tu của xứ nhơn, vì lòng mến đạo, yêu Tổ quốc Việt Nam đã hy sinh thời tuổi trẻ dứt bỏ mối tình bao năm vun đắp. Và hình ảnh người con gái Khmer thủy chung, luôn lớn vồn trong

đầu tôi. Cũng vì hai tiếng "Tổ quốc", đời cũng như đạo sẵn sàng gánh chịu bao nhiêu đau thương, mất mát để đổi lấy ngày hôm nay.

Từng cơn gió biển thổi vào xao động vườn nhãn, tạo nên âm thanh như tiếng reo vui của những linh hồn người đã khuất vì sự nghiệp cao cả. Tôi còn đang tâm niệm với lòng, tiếng nói tiếng ru của Nhân dẫn tôi sang hướng : "Tối nay em đưa anh đi chơi ngoài biển, để xem con dê khổng lồ như chàng lực sĩ uốn ngực, dang thẳng đôi tay vừa vẫy gọi phù sa, vừa cản ngăn những cơn sóng thần hiểm ác. Anh sẽ tận mắt thưởng thức cảnh gió đuổi mây, để cho "chị Hằng" vệt biển, ung dung đi lên tiếp sức cho tâm hồn con người càng thêm trong sáng.

Đã qua mấy mùa lễ hội, tôi chưa có dịp trở lại, nhưng những hình ảnh thân thương của một vùng đất; sự tôn nghiêm, êm ả mà sống động của một ngôi chùa và nét đẹp dịu hiền, tính tình cởi

mở, hồn nhiên, tâm hồn trong trắng của người con gái xứ nhàn ở Xiêm Cán sáng lên trong tâm trí tôi. Thời gian vừa bào mòn, vừa vun đắp những gì cần trong ký ức con người.

H.N.N

**Phủ thờ dòng họ
CAO TRIỀU
Một địa chỉ
du lịch hấp dẫn**

PHAN TRUNG NGHĨA

Thời đảng cụt, chính sách chiêu mộ lưu dân vào Nam khẩn hoang của các chúa Nguyễn là : Ai có nhân lực, vật lực... đủ sức khai hoang thì cứ tự do mà trưng khẩn và nếu khai phá được một diện tích đất đai đủ điều kiện thành lập làng mới thì cho người đó làm trưởng làng. Đến khi người Pháp đô hộ, chính quyền thực dân vẫn giữ chính sách nêu trên. Thực tế, để thu thuế nhanh, Toàn

quyền Đông Dương đã ký nhiều Nghị định cấp cho những người giàu có hàng ngàn mẫu, với điều kiện người chủ đất chịu trách nhiệm nộp thuế cho Nhà nước.

Chính sách điền địa nêu trên đã dành sự ưu ái cho một nhóm người có tiền tài và quyền lực. Thế cho nên ruộng đất chỉ tập trung vào tay một nhóm người rất nhỏ. Có một tổng kết cho rằng Bạc Liêu là nơi có ít địa chủ nhất nước (2%), đồng thời là nơi địa chủ chiếm nhiều ruộng đất nhất nước (hơn 95%). Những tên tuổi nổi tiếng Nam kỳ vì sự nhiều ruộng như : Trần Trinh Trạch, đất lúa, đất muối hơn 200 ngàn mẫu; Vưu Tụng 70 ngàn mẫu; Châu Oai 40 ngàn mẫu..., rồi Cao Minh Thạnh, Chung Bá Vạn, Mai Hữu Kiến, Mai Hữu Quý, Quách Ngọc Đống, Phan Hộ Biết...

Đến đầu thế kỷ XX, người Pháp đã nhìn nhận ĐBSCL là vựa lúa miền Nam nên đã cho đào một hệ thống kênh mương dày đặc ở vùng

Hậu Giang. Chính hệ thống kênh mương này đã giải quyết nạn ngập úng do cơn lụt thường niên vào tháng 8 âm gây ra hàng năm. Đất đai được rửa phèn, xỏ mặn... Có thể nói trong lịch sử khẩn hoang chưa bao giờ đất đai của Bạc Liêu được giải phóng năng lực triệt để như thời kỳ này. Đất hoang được khai phá nhanh và trở nên có năng suất hơn. Hơn thế nữa, nhờ hệ thống kênh mương mà lúa gạo được chở về Sài Gòn nhanh và dễ dàng hơn. Thập niên 30, Bạc Liêu là tỉnh có số lúa gạo bán ra đứng nhất Nam kỳ... Đất đai trở nên có giá.

Chính vì thế mà những đại điền chủ ở Bạc Liêu càng có ruộng nhiều thì càng giàu nứt đổ đổ vách. Thời kỳ cực thịnh nhất của họ là khi hệ thống kênh đào phát huy tác dụng (khoảng sau năm 1910). Và đó cũng là thời điểm họ đua nhau cất nhà. Năm 1914, Cao Minh Thạnh cất nhà, năm 1917 Trần Trinh Thạc cất, năm 1920 Hội

đồng Điều cát...

Lịch sử hình thành và phát triển đô thị Bạc Liêu đã có hơn 200 năm. Thế nhưng đó là một sự phát triển vô cùng chậm chạp, bởi Bạc Liêu được mệnh danh là "xứ quê mùa". Trước năm 1900, ít có người từ nơi khác dám đến khai khẩn bởi nạn ngập úng, rồi ma thiêng nước độc, sương lam chướng khí. Người khẩn hoang xưa hò rằng :

Chèo ghe sợ sáu cần chùn

Xuống bưng sợ địa, lên rừng sợ ma

Đất đai của Bạc Liêu khai hoang 2-3 mùa sau mới thu được huê lợi, chính vì lẽ đó mà trong sách "Khẩn hoang miền Nam" của Sơn Nam ghi : "Thoạt tiên nhà lồng chợ cất bằng lá. Năm 1885, làng Vĩnh Hương xin cấp chợ lợp ngói, hy vọng rằng tiền góp chợ sẽ tăng gấp đôi và xin vay trước của Nhà nước 6.100 đồng để xây cất, làng sẽ trả lại cho Nhà nước cả vốn lẫn lời trong vòng 12 năm. Năm 1892, Tham biện bắt buộc những nhà

lá ở chợ phải dỡ bỏ để cất lại phố ngôi có lâu".

Căn cứ vào tài liệu trên, chúng ta thấy rằng giai đoạn các đại diện chủ Bạc Liêu đua nhau cất nhà là giai đoạn đô thị Bạc Liêu được hình thành rõ nét nhất. Có thể nói đó là một dấu ấn trong kiến trúc đô thị Bạc Liêu. Nếu loại bỏ vấn đề ý thức hệ để đứng trên quan điểm bảo tồn một dấu ấn của lịch sử phát triển Bạc Liêu thì những ngôi nhà nêu trên cần phải được bảo vệ nghiêm túc.

Thế nhưng do thời gian xây cất quá lâu, do biến thiên thời cuộc mà những ngôi nhà trên giờ chỉ còn cái vỏ không nguyên vẹn.

Trải qua nhiều chế độ quản lý dùng cho mục đích công sở, nên toàn bộ nội thất của các ngôi nhà nêu trên đã bị phá nát hoàn toàn. Có những chuyện rất đau lòng, sau giải phóng, ngôi nhà Huyện Sơn được giao cho một đơn vị bộ đội quản lý, các anh lính của thời bao cấp đã bữa làm củi nấu cơm những bức hoành phi, câu đối... cực kỳ quý giá.

Hiện nay, duy nhất chỉ còn ngôi phủ thờ của dòng họ Cao Triều là nội thất bên trong còn tương đối nguyên vẹn. Nguyên nhân là do công lao của nhân sỹ yêu nước Cao Triều Phát nên Nhà nước không quản lý như những ngôi nhà của các địa chủ khác, mà con cháu dòng họ Cao Triều đã giữ gìn.

Đây là một ngôi nhà quý. Nó quý bởi vì là ngôi nhà duy nhất nội thất còn khá nguyên vẹn, đủ sức minh họa cho những kiến trúc đầu tiên tạo ra những nét chấm phá sinh động cho bức tranh đô thị Bạc Liêu đã nêu trên. Nó quý vì đó là một kiến trúc cổ và nó còn quý bởi vì danh tiếng của chủ nhân.

Ngôi phủ thờ hiện tọa lạc tại bờ sông Bạc Liêu, thuộc phường 5, thị xã Bạc Liêu. Nó được xây dựng vào năm 1914. Trong gia phả của dòng họ Cao Triều ghi rằng : "... Do công đào kênh đắp lộ, mở mang quận Vĩnh Châu nên ông (Cao Minh

Thanh) được thọ phong chức Đốc phủ xứ hàm...", "... việc nhà ông cũng không bao giờ sai sót...", "ông có lập phần hương hỏa giao cho Chi trưởng lao việc cúng tế tiền nong ở tại Cao gia hương hỏa...".

Như vậy, căn cứ vào gia phả của dòng họ Cao thì ông Cao Minh Thanh thân sinh của nhân sỹ yêu nước Cao Triều Phát ngày xưa đã đứng ra xây dựng ngôi phủ thờ này. Đây là một danh gia của đất Bạc Liêu. Ông Cao Minh Thanh là Đốc phủ xứ, còn các anh em và con cái của ông đều là quan Phủ, quan huyện... Chính vì thế mà ngôi Phủ thờ do họ xây cất cũng không phải tầm thường.

Nhìn tổng thể ngôi phủ thờ có phong cách kiến trúc Á Đông. Mái nhà lợp ngói âm dương, các cột được đẽo gọt từ đá khối có hình lưỡng long tranh châu. Các cửa chính và cửa phụ đều mang nét kiến trúc Trung Hoa. Đặc biệt là nội thất bên

trong mang dấp dấp kiến trúc của cung đình Huế. Đây là một phong cách bài trí nội thất rất phổ biến của nhà địa chủ, bá hộ hồi đầu thế kỷ XX. Người ta qua tận Campuchia để mua về các loại danh mộc rồi rước thợ từ Huế hoặc tận ngoài Bắc vào ở trong nhà đục đẽo 2-3 năm trời để trang trí nội thất. Tại ngôi phủ thờ dòng họ Cao, tuy đồ đạc đã bị thất tán khá nhiều nhưng vẫn còn những thứ quý giá như : 2 bộ trường kỷ bằng đá hoa cương có màu trắng và hoa văn, dày một tấc; hai cặp hạc đội đèn, 2 bộ lư đồng mắt tre. Hai bộ lư này đúng là những cổ vật, nghe đâu chỉ còn 1-2 cặp ở Bạc Liêu. Giá trị của nó hiện đến gần chục cây vàng mỗi bộ. Ngoài ra, bàn thờ và khánh thờ được chạm trổ cực kỳ tinh xảo với hình lưỡng long tranh châu, qui hoạt và các loại mai, tùng, trúc, cúc... Rồi các bức hoành phi, câu đối sơn son thiếp vàng cũng là những cổ vật...

Ngoài ra, ngôi phủ thờ còn có một sức thu

hút khác vì nó là nơi thờ phượng tổ phụ của một nhân vật lịch sử Việt Nam, đó là nhân sĩ yêu nước Cao Triều Phát. Ông sinh năm 1889, mất năm 1956. Cha là Đốc phủ xứ Cao Minh Thạnh, mẹ là Tào Thị Súc. Chiến tranh thế giới thứ I kết thúc, ông sang Pháp học lấy bằng Kỹ sư canh nông. Sau về nước ông sáng lập hai tờ báo có tên là Nhật Tân Báo, Kỷ Nguyên Mới, nhằm bênh vực cho người lao động, nâng cao dân trí, dân sinh. Ông còn là một trong những sáng lập viên của "Đông Dương lao động Đảng" ở Sài Gòn.

Khoảng năm 1929, ông bị Pháp quản thúc tại gia (Bạc Liêu) vì tội "phá rối trị an". Năm 1930, Cao Triều Phát gia nhập phái Minh chơn đạo - Cao đài Hậu Giang và từng giữ chức Bảo đạo, Bảo thế, Bảo pháp trong Hiệp Thiên đài và đắc cử vào Hội đồng quản hạt Nam kỳ. Mùa thu năm 1945, ông được cử làm Phó chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Bạc Liêu... Ngày 06/01/1946,

ông đặc cử vào Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại đơn vị tỉnh Bạc Liêu. Khoảng tháng tư năm 1946, Pháp tấn công Bạc Liêu, đánh vào Thánh thất Ngọc Minh, ông cùng với các chức sắc trứ hữu quyết tâm tử thủ trong nhiều ngày. Năm 1947 ông giữ chức cố vấn Ủy ban Hành chánh kháng chiến Nam bộ, tập hợp 12 phái thống nhất Cao đài cứu quốc tham gia Mặt trận Việt Minh chống Pháp. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, gặp Bác Hồ tại Thái Nguyên và giữ chức Giáo tông Cao đài 12 phái thống nhất, từng là Ủy viên thường trực Quốc hội, Ủy viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Được thưởng nhiều Huân chương...

Nói về cuộc đời cụ Cao Triều Phát, một nhà văn đã viết : "... Cụ tham gia kháng chiến ngay từ những ngày đầu kháng chiến tới già tới chết. Phần lớn sự nghiệp của cụ, cụ cống hiến cho cách mạng. Hiện tượng Cao Triều Phát là một hiện tượng đặc biệt nói lên nghĩa khí của người Nam

bộ, hơn nữa là một nhà giàu muôn hộ trọng nghĩa khinh tài. Còn cố vấn Võ Văn Kiệt thì nói rằng : "Tôi tham gia cách mạng nếu có mất mát thì cũng chẳng mất mát thứ gì, còn những người như cụ Cao Triều Phát thì mất mát lớn lao. Họ đã đánh đổi cuộc sống giàu sang để vì sự nghiệp chung của dân tộc...". Thực tế Cao Triều Phát là một đại điền chủ nhưng ông đã bỏ hết để theo cách mạng. Bác Hồ viết thư cho Cao Triều Phát đã nói như sau : "Dù xa cách Chính phủ và tôi lúc nào cũng nghĩ đến công của ông đối với Tổ quốc, đối với công cuộc kháng chiến và rất mong có ngày được gặp ông để cùng uống một chung rượu đào, ngâm một bài thơ đắc thắng". Cao Triều Phát đã được cố Tổng bí thư Lê Duẩn kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tóm lại Cao Triều Phát là một nhân vật lịch sử của đất Bạc Liêu. Phủ thờ dòng họ Cao Triều Phát là một di sản của một con người nổi tiếng.

Hôm người viết bài này dẫn một đoàn làm phim của Hãng phim Giải phóng đến quay một trường đoạn trong bộ phim "Bạc Liêu - quê hương tôi" thì đoàn làm phim sững sờ trước những đồ vật cổ kính của ngôi nhà. Và họ nói rằng đây là một địa chỉ du lịch rất hấp dẫn, bởi nó ẩn chứa chiều sâu văn hóa như đã phân tích trong bài viết này.

MỤC LỤC

1. Lời nói đầu.....	5
2. Bên đền thờ Bác.....	7
3. Triết lý Đồng Nọc Nạng.....	17
4. Tháp cổ Vĩnh Hưng.....	37
5. Đất Giồng Bóm.....	44
6. Đình Tân Hưng.....	61
7. Tìm hiểu lịch sử Tiên Sư Cổ Miếu.....	75
8. Chùa Bang Bạc Liêu.....	82
9. Xiêm Cán một ngôi chùa đẹp nhất vùng.....	89
10. Phủ thờ dòng họ Cao Triều một địa chỉ du lịch hấp dẫn.....	113

Chịu trách nhiệm tái bản

PHAN HÙNG VIỆT

Giám đốc Sở TM - DL tỉnh Bạc Liêu

Biên tập :

TRỌNG NGUYỄN - NGUYỄN VĂN THANH

Sửa bản in :

NGUYỄN ĐÌNH HIÊN - NGUYỄN HỒNG SƠN

Trình bày :

THIÊN PHƯỚC

* In 2.500 cuốn, khổ 13 x 19cm

tại Công ty cổ phần Dịch vụ - in Trần Ngọc Hy Cà Mau

* Giấy phép số 54/GPXB ngày 20/12/2005 của Sở VHTT Bạc Liêu

* In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2006

